

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Quyết định số 09/2026/QĐ-UBND về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật  
dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực  
Phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội**

(Tiếp theo Công báo số 78 + 79)

**Phụ lục**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2026/QĐ-UBND  
ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Phụ lục II**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT  
DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHẨN CẤP, HỖ TRỢ PHỤC HỒI  
VÀ HOÀ NHẬP CỘNG ĐỒNG CHO NẠN NHÂN MUA BÁN**

### 3.5. CHI PHÍ BẰNG TIỀN CHO BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG

(Đơn vị tính: VNĐ)

TT	Danh mục	1.1.1. Tiếp nhận nạn nhân mua bán tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm			1.1.2. Kết nối nạn nhân mua bán tới cơ sở trợ giúp xã hội phù hợp			1.2.1. Tiếp nhận nạn nhân mua bán từ xã, phường, thị trấn đến bàn giao tại Trung tâm		
		(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	52	-	52	52	-	52	52	-	52
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	2.819	-	2.819	2.819	-	2.819	2.819	-	2.819
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	330	-	330	330	-	330	330	-	330
4	Tiền thuê phòng ngủ	39	-	39	39	-	39	39	-	39
5	Khoản công tác phí	188	-	188	188	-	188	188	-	188
6	Làm thêm giờ	4.311	-	4.311	4.311	-	4.311	4.311	-	4.311
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	54	-	54	54	-	54	54	-	54
8	Đào tạo, Tập huấn	89	-	89	89	-	89	89	-	89
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	11	-	11	11	-	11	11	-	11
10	Chi Phúc lợi tập thể	1.384	-	1.384	1.384	-	1.384	1.384	-	1.384
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	44	-	44	44	-	44	44	-	44
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	42	-	42	42	-	42	42	-	42
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	44	-	44	44	-	44	44	-	44
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	50	-	50	50	-	50	50	-	50
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống..	1.531	-	1.531	1.531	-	1.531	1.531	-	1.531
16	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	848	-	848	848	-	848	848	-	848
17	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	383	-	383	383	-	383	383	-	383
18	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	461	-	461	461	-	461	461	-	461
19	Thuê phương tiện vận chuyển	499	-	499	499	-	499	499	-	499

TT	Danh mục	1.2.2. Tiếp nhận nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý tại cơ sở			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý tại cơ sở		
		(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	109	-	109	245	-	245	31	-	31
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	964	-	964	472	-	472	1.754	-	1.754
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	47	-	47	100	-	100	193	-	193
4	Tiền thuê phòng ngủ	28	-	28	51	-	51	21	-	21
5	Khoản công tác phí	241	-	241	355	-	355	101	-	101
6	Làm thêm giờ	4.017	-	4.017	6.145	-	6.145	2.447	-	2.447
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	232	-	232	-	-	-	61	-	61
8	Đào tạo, Tập huấn	60	-	60	118	-	118	51	-	51
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	38	-	38	55	-	55	8	-	8
10	Chi Phúc lợi tập thể	1.793	-	1.793	5.265	-	5.265	718	-	718
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	24	-	24	70	-	70	26	-	26
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	23	-	23	68	-	68	25	-	25
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	13	-	13	73	-	73	21	-	21
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	15	-	15	49	-	49	24	-	24
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống,...	124	-	124	-	-	-	924	-	924
16	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	165	-	165	-	-	-	814	-	814
17	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	138	-	138	291	-	291	375	-	375
18	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	334	-	334	734	-	734	259	-	259
19	Thuê phương tiện vận chuyển	-	-	-	-	-	-	1.321	-	1.321

TT	Danh mục	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
		(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 nạn nhân/ngày)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	21	-	21	54	-	54	41	-	41
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	992	-	992	139	-	139	45	-	45
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	98	-	98	90	-	90	90	-	90
4	Tiền thuê phòng ngủ	12	-	12	23	-	23	21	-	21
5	Khoản công tác phí	53	-	53	97	-	97	59	-	59
6	Làm thêm giờ	1.795	-	1.795	989	-	989	649	-	649
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	115	-	115	18	-	18	10	-	10
8	Đào tạo, Tập huấn	41	-	41	89	-	89	88	-	88
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	5	-	5	87	-	87	78	-	78
10	Chi Phúc lợi tập thể	263	-	263	639	-	639	460	-	460
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	10	-	10	13	-	13	10	-	10
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	10	-	10	12	-	12	9	-	9
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	10	-	10	0	-	0	1	-	1
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	11	-	11	1	-	1	1	-	1
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống...	422	-	422	52	-	52	21	-	21
16	Tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày của đối tượng (Ngày khuyết tật Việt Nam, Ngày quốc tế thiếu nhi, Ngày quốc tế người khuyết tật, Tết trung thu, Ngày quốc tế người cao tuổi,...)				7.775		7.775	7.775		7.775
17	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	210	-	210	103	-	103	96	-	96
18	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	99	-	99	16	-	16	4	-	4
19	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	108	-	108	228	-	228	173	-	173
20	Thuê phương tiện vận chuyển	102	-	102	39	-	39	39	-	39

TT	Danh mục	2.3.3. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng có khả năng tự phục vụ sinh hoạt cá nhân hàng ngày			2.4. Dịch vụ lao động trị liệu			2.5. Dịch vụ tư vấn trị liệu		
		(tính trên 1 nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	21	-	21	698	-	698	245	-	245
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	41	-	41	972	-	972	472	-	472
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	89	-	89	311	-	311	100	-	100
4	Tiền thuê phòng ngủ	16	-	16	157	-	157	51	-	51
5	Khoản công tác phí	37	-	37	1.038	-	1.038	355	-	355
6	Làm thêm giờ	341	-	341	18.934	-	18.934	6.145	-	6.145
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	8	-	8	-	-	-	-	-	-
8	Đào tạo, Tập huấn	87	-	87	345	-	345	118	-	118
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	59	-	59	151	-	151	55	-	55
10	Chi Phúc lợi tập thể	187	-	187	14.939	-	14.939	5.265	-	5.265
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	4	-	4	199	-	199	70	-	70
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	4	-	4	193	-	193	68	-	68
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	0	-	0	207	-	207	73	-	73
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	0	-	0	167	-	167	49	-	49
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống...	22	-	22	-	-	-	-	-	-
16	Tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày của đối tượng (Ngày khuyết tật Việt Nam, Ngày quốc tế thiếu nhi, Ngày quốc tế người khuyết tật, Tết trung thu, Ngày quốc tế người cao tuổi,...)	7.775	-	7.775	-	-	-	-	-	-
17	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	96	-	96	-	-	-	-	-	-
18	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	4	-	4	599	-	599	291	-	291
19	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	115	-	115	2.083	-	2.083	734	-	734
20	Thuê phương tiện vận chuyển	39	-	39	-	-	-	-	-	-

TT	Danh mục	2.6.1. Dịch vụ giáo dục mầm non tại đơn vị			2.6.2. Dịch vụ cho trẻ đi học tại các trường mầm non			2.6.3. Dịch vụ cho trẻ học văn hóa tại cộng đồng		
		(tính trên 1 trẻ/ngày)			(tính trên 1 trẻ/ngày)			(tính trên 1 trẻ/ngày)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	1	-	1	1	-	1	7	-	7
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	2.489	-	2.489	2.318	-	2.318	302	-	302
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	283	-	283	260	-	260	1	-	1
4	Tiền thuê phòng ngủ	24	-	24	22	-	22	5	-	5
5	Khoản công tác phí	101	-	101	103	-	103	104	-	104
6	Làm thêm giờ	2.385	-	2.385	2.252	-	2.252	700	-	700
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	0	-	0	-	-	-	-	-	-
8	Đào tạo, Tập huấn	55	-	55	51	-	51	1	-	1
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	1	-	1	2	-	2	14	-	14
10	Chi Phúc lợi tập thể	224	-	224	199	-	199	57	-	57
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	29	-	29	26	-	26	0	-	0
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	28	-	28	26	-	26	0	-	0
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	30	-	30	27	-	27	0	-	0
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	35	-	35	32	-	32	0	-	0
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống...	1.432	-	1.432	1.321	-	1.321	118	-	118
16	Tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày của đối tượng (Ngày khuyết tật Việt Nam, Ngày quốc tế thiếu nhi, Ngày quốc tế người khuyết tật, Tết trung thu, Ngày quốc tế người cao tuổi,...)									
17	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	617	-	617	569	-	569	27	-	27
18	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	287	-	287	268	-	268	46	-	46
19	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	303	-	303	288	-	288	105	-	105
20	Thuê phương tiện vận chuyển	304	-	304	279	-	279	-	-	-

TT	Danh mục	2.6.4. Dịch vụ hỗ trợ, kết nối học nghề			2.7.1. Dịch vụ chăm sóc y tế, phục hồi chức năng			2.7.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc đối tượng khám, điều trị tại bệnh viện		
		(tính trên 1 lớp)			(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân/lượt)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	65	-	65	3	-	3	30	-	30
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	4.409	-	4.409	31	-	31	410	-	410
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	458	-	458	3	-	3	22	-	22
4	Tiền thuê phòng ngủ	48	-	48	1	-	1	9	-	9
5	Khoản công tác phí	231	-	231	5	-	5	48	-	48
6	Làm thêm giờ	5.455	-	5.455	121	-	121	1.315	-	1.315
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	187	-	187	5	-	5	128	-	128
8	Đào tạo, Tập huấn	115	-	115	2	-	2	27	-	27
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	18	-	18	2	-	2	9	-	9
10	Chi Phúc lợi tập thể	1.264	-	1.264	60	-	60	362	-	362
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	59	-	59	1	-	1	5	-	5
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	57	-	57	1	-	1	5	-	5
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	47	-	47	1	-	1	4	-	4
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	54	-	54	1	-	1	5	-	5
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống,...	2.214	-	2.214	9	-	9	22	-	22
16	Tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày của đối tượng (Ngày khuyết tật Việt Nam, Ngày quốc tế thiếu nhi, Ngày quốc tế người khuyết tật, Tết trung thu, Ngày quốc tế người cao tuổi,...)									
17	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	1.805	-	1.805	101	-	101	68	-	68
18	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	783	-	783	42	-	42	32	-	32
19	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	599	-	599	11	-	11	61	-	61
20	Thuê phương tiện vận chuyển	741	-	741	26	-	26	81	-	81

TT	Danh mục	2.8. Dịch vụ tổ chức các hoạt động tập thể cho đối tượng			2.9.1. Thăm gặp gia đình tại đơn vị			2.9.2. Thăm gặp gia đình qua điện thoại, zalo		
		(tính trên 1 hoạt động)			(tính trên 1 lượt)			(tính trên 1 lượt)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	29	-	29	6	-	6	0	-	0
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	229	-	229	61	-	61	105	-	105
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	12	-	12	4	-	4	12	-	12
4	Tiền thuê phòng ngủ	8	-	8	2	-	2	1	-	1
5	Khoản công tác phí	57	-	57	8	-	8	4	-	4
6	Làm thêm giờ	1.002	-	1.002	224	-	224	104	-	104
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	59	-	59	18	-	18	1	-	1
8	Đào tạo, Tập huấn	15	-	15	5	-	5	2	-	2
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	15	-	15	2	-	2	0	-	0
10	Chi Phúc lợi tập thể	432	-	432	77	-	77	10	-	10
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	8	-	8	1	-	1	1	-	1
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma két, hoa hội nghị,...)	7	-	7	1	-	1	1	-	1
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma két, hoa hội nghị,...)	4	-	4	1	-	1	1	-	1
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	5	-	5	1	-	1	1	-	1
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống...	29	-	29	5	-	5	59	-	59
16	Tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày của đối tượng (Ngày khuyết tật Việt Nam, Ngày quốc tế thiếu nhi, Ngày quốc tế người khuyết tật, Tết trung thu, Ngày quốc tế người cao tuổi,...)									
17	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	36	-	36	8	-	8	26	-	26
18	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	29	-	29	4	-	4	12	-	12
19	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	86	-	86	12	-	12	13	-	13
20	Thuê phương tiện vận chuyển	3	-	3	3	-	3	13	-	13

TT	Danh mục	2.9.3. Dịch vụ tiếp nhận quà, đồ dùng của đối tượng			2.10. Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch cho đối tượng là người nước ngoài, không biết tiếng phổ thông và các đối tượng khuyết tật đặc biệt khác			2.11.1. Dịch vụ tìm kiếm đối tượng bỏ trốn/di lạc - Trường hợp tìm được đối tượng hoặc đối tượng tự trở về cơ sở		
		(tính trên 1 lượt)			(tính trên 1 cuộc)			(tính trên 1 nạn nhân)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	3	-	3	-	-	-	475	-	475
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	1.416	-	1.416	-	-	-	4.400	-	4.400
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	160	-	160	0	-	0	491	-	491
4	Tiền thuê phòng ngủ	14	-	14	27	-	27	163	-	163
5	Khoản công tác phí	59	-	59	19	-	19	1.278	-	1.278
6	Làm thêm giờ	1.406	-	1.406	192	-	192	21.443	-	21.443
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	5	-	5	-	-	-	374	-	374
8	Đào tạo, Tập huấn	32	-	32	12	-	12	332	-	332
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	1	-	1	5	-	5	166	-	166
10	Chi Phúc lợi tập thể	159	-	159	27	-	27	8.804	-	8.804
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	17	-	17	44.165	-	44.165	137	-	137
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	16	-	16	4	-	4	133	-	133
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	17	-	17	4	-	4	141	-	141
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	19	-	19	4	-	4	163	-	163
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống,...	804	-	804	-	-	-	1.782	-	1.782
16	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	350	-	350	-	-	-	1.193	-	1.193
17	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	163	-	163	-	-	-	700	-	700
18	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	176	-	176	0	-	0	1.943	-	1.943
19	Thuê phương tiện vận chuyển	173	-	173	-	-	-	633	-	633

TT	Danh mục	2.11.2. Dịch vụ tìm kiếm đối tượng bỏ trốn/đi lạc - Trường hợp không tìm được đối tượng			2.12.1. Dịch vụ tang lễ cho đối tượng tử vong tại bệnh viện có thân nhân			2.12.2. Dịch vụ tang lễ cho đối tượng tử vong tại bệnh viện không có thân nhân		
		(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	550	-	550	797	-	797	992	-	992
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	4.987	-	4.987	2.561	-	2.561	2.231	-	2.231
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	524	-	524	392	-	392	440	-	440
4	Tiền thuê phòng ngủ	179	-	179	212	-	212	270	-	270
5	Khoán công tác phí	1.430	-	1.430	1.311	-	1.311	1.638	-	1.638
6	Làm thêm giờ	23.516	-	23.516	21.511	-	21.511	28.502	-	28.502
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	453	-	453	175	-	175	281	-	281
8	Đào tạo, Tập huấn	354	-	354	264	-	264	381	-	381
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	192	-	192	432	-	432	519	-	519
10	Chi Phúc lợi tập thể	10.071	-	10.071	13.736	-	13.736	17.136	-	17.136
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	158	-	158	239	-	239	280	-	280
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	154	-	154	232	-	232	272	-	272
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	146	-	146	129	-	129	181	-	181
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	169	-	169	149	-	149	209	-	209
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống...	1.957	-	1.957	1.095	-	1.095	770	-	770
16	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	1.415	-	1.415	2.776	-	2.776	2.308	-	2.308
17	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	814	-	814	1.308	-	1.308	1.089	-	1.089
18	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	2.200	-	2.200	2.635	-	2.635	3.149	-	3.149
19	Thuê phương tiện vận chuyển	579	-	579	5.783	-	5.783	4.145	-	4.145

TT	Danh mục	2.12.3. Dịch vụ tang lễ cho đối tượng tử vong tại Trung tâm có thân nhân			2.12.4. Dịch vụ tang lễ cho đối tượng tử vong tại Trung tâm không có thân nhân			2.13. Thờ cúng		
		(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 lượt)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	1.004	-	1.004	1.138	-	1.138	56	-	56
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	1.501	-	1.501	4.018	-	4.018	113	-	113
3	Tiền vé máy bay, tàu xe	284	-	284	477	-	477	24	-	24
4	Tiền thuê phòng ngủ	250	-	250	300	-	300	15	-	15
5	Khoản công tác phí	1.506	-	1.506	1.778	-	1.778	100	-	100
6	Làm thêm giờ	25.683	-	25.683	37.876	-	37.876	1.753	-	1.753
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	383	-	383	1.459	-	1.459	26	-	26
8	Đào tạo, Tập huấn	312	-	312	606	-	606	26	-	26
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	574	-	574	564	-	564	27	-	27
10	Chi Phúc lợi tập thể	16.374	-	16.374	17.460	-	17.460	1.321	-	1.321
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	273	-	273	274	-	274	17	-	17
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	265	-	265	268	-	268	19	-	19
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	132	-	132	175	-	175	15	-	15
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	152	-	152	199	-	199	12	-	12
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống,..	248	-	248	300	-	300	10	-	10
16	Tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày của đối tượng (Ngày khuyết tật Việt Nam, Ngày quốc tế thiếu nhi, Ngày quốc tế người khuyết tật, Tết trung thu, Ngày quốc tế người cao tuổi,...)									
17	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	1.887	-	1.887	1.620	-	1.620	42	-	42
18	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	876	-	876	748	-	748	31	-	31
19	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	2.991	-	2.991	3.103	-	3.103	208	-	208
20	Thuê phương tiện vận chuyên	3.555	-	3.555	1.759	-	1.759	29	-	29

TT	Danh mục	2.14. Hỗ trợ giám định tư pháp			3.1. Dịch vụ tư vấn tái hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân			3.2. Dịch vụ bàn giao đối tượng cho gia đình tại Trung tâm		
		(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	1.163	-	1.163	14	-	14	12	-	12
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	2.827	-	2.827	178	-	178	842	-	842
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	354	-	354	7	-	7	93	-	93
4	Tiền thuê phòng ngủ	294	-	294	4	-	4	10	-	10
5	Khoản công tác phí	1.744	-	1.744	31	-	31	47	-	47
6	Làm thêm giờ	32.040	-	32.040	646	-	646	1.164	-	1.164
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	899	-	899	54	-	54	29	-	29
8	Đào tạo, Tập huấn	428	-	428	11	-	11	25	-	25
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	686	-	686	8	-	8	4	-	4
10	Chi Phúc lợi tập thể	17.971	-	17.971	125	-	125	236	-	236
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	303	-	303	2	-	2	11	-	11
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	296	-	296	2	-	2	11	-	11
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	141	-	141	1	-	1	11	-	11
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	161	-	161	1	-	1	12	-	12
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống,...	299	-	299	17	-	17	441	-	441
16	Tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày của đối tượng (Ngày khuyết tật Việt Nam, Ngày quốc tế thiếu nhi, Ngày quốc tế người khuyết tật, Tết trung thu, Ngày quốc tế người cao tuổi,...)									
17	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	1.278	-	1.278	175	-	175	192	-	192
18	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	603	-	603	77	-	77	90	-	90
19	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	3.357	-	3.357	37	-	37	119	-	119
20	Thuê phương tiện vận chuyển	1.419	-	1.419	221	-	221	96	-	96

TT	Danh mục	3.3. Dịch vụ hỗ trợ đưa đối tượng về địa phương			3.4. Dịch vụ hỗ trợ đối tượng tự về gia đình, cộng đồng			3.5. Dịch vụ chuyển đối tượng đến các cơ quan, đơn vị khác		
		(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	-	-	-	12	-	12	135	-	135
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	480	-	480	842	-	842	4.736	-	4.736
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	-	-	-	93	-	93	659	-	659
4	Tiền thuê phòng ngủ	250	-	250	10	-	10	78	-	78
5	Khoản công tác phí	127	-	127	47	-	47	395	-	395
6	Làm thêm giờ	749	-	749	1.164	-	1.164	8.228	-	8.228
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	15.220	-	15.220	29	-	29	0	-	0
8	Đào tạo, Tập huấn	2.822	-	2.822	25	-	25	165	-	165
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	243	-	243	4	-	4	44	-	44
10	Chi Phúc lợi tập thể	95	-	95	236	-	236	3.122	-	3.122
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	-	-	-	11	-	11	93	-	93
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	136	-	136	11	-	11	90	-	90
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	132	-	132	11	-	11	85	-	85
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	136	-	136	12	-	12	99	-	99
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống,...	160	-	160	441	-	441	2.706	-	2.706
16	Tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày của đối tượng (Ngày khuyết tật Việt Nam, Ngày quốc tế thiếu nhi, Ngày quốc tế người khuyết tật, Tết trung thu, Ngày quốc tế người cao tuổi,...)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	-	-	-	192	-	192	1.204	-	1.204
18	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	30	-	30	90	-	90	598	-	598
19	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	-	-	-	119	-	119	972	-	972
20	Thuê phương tiện vận chuyên	-	-	-	96	-	96	610	-	610

TT	Danh mục	3.6. Dịch vụ chuyển nạn nhân mua bán sang nuôi dưỡng thường xuyên			3.7. Hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng sau khi tái hòa nhập		
		(tính trên 1 nạn nhân)			(tính trên 1 nạn nhân)		
		Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý	Tổng	Chi trực tiếp	Chi quản lý
1	Phụ cấp lưu trú	135	-	135	92	-	92
2	Chi phí đi lại bằng phương tiện cá nhân	4.736	-	4.736	2.111	-	2.111
3	Tiền vé máy bay, tàu, xe	659	-	659	84	-	84
4	Tiền thuê phòng ngủ	78	-	78	27	-	27
5	Khoán công tác phí	395	-	395	121	-	121
6	Làm thêm giờ	8.228	-	8.228	5.410	-	5.410
7	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	0	-	0	759	-	759
8	Đào tạo, Tập huấn	165	-	165	130	-	130
9	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	44	-	44	21	-	21
10	Chi Phúc lợi tập thể	3.122	-	3.122	364	-	364
11	Hội nghị tổng kết và triển khai nhiệm vụ	93	-	93	5	-	5
12	Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, mời cơm và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	90	-	90	5	-	5
13	Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai 6 tháng cuối năm (Bao gồm: văn phòng phẩm, tài liệu, ăn tăng cường, quà tặng và các chi phí khác phục vụ hội nghị: nước uống, ma kết, hoa hội nghị,...)	85	-	85	4	-	4
14	Hội nghị kiểm điểm, đánh giá đảng viên, viên chức, người lao động	99	-	99	5	-	5
15	Chi hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ngày truyền thống..	2.706	-	2.706	9	-	9
16	Tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày của đối tượng (Ngày khuyết tật Việt Nam, Ngày quốc tế thiếu nhi, Ngày quốc tế người khuyết tật, Tết trung thu, Ngày quốc tế người cao tuổi,...)						
17	Tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm	1.204	-	1.204	1.146	-	1.146
18	Trang phục, đồng phục cho cán bộ, nhân viên	598	-	598	419	-	419
19	Chi khen thưởng các danh hiệu theo Luật thi đua, khen thưởng	972	-	972	60	-	60
20	Thuê phương tiện vận chuyển	610	-	610	804	-	804

### **3.6. ĐỊNH MỨC CHO NẠN NHÂN**

Định mức chi cho nạn nhân thực hiện theo mức chi quy định hiện hành của Thành phố Hà Nội hoặc Trung ương.

**Phụ lục III**  
**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHẨN CẤP,**  
**HỖ TRỢ PHỤC HỒI VÀ HOÀ NHẬP CỘNG ĐỒNG CHO NGƯỜI ĐANG**  
**TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN CỦA MUA BÁN NGƯỜI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2026/QĐ-UBND*  
*ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Phần I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**I. Thành phần định mức kinh tế kỹ thuật**

Định mức kinh tế - kỹ thuật (sau đây gọi tắt là định mức) là mức hao phí cần thiết các yếu tố về lao động, vật tư, thiết bị cần thiết và cơ sở vật chất để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp, hỗ trợ phục hồi và hòa nhập cộng đồng cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của mua bán người.

Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các định mức thành phần: Định mức lao động, định mức sử dụng vật tư và định mức sử dụng tài sản cố định, công cụ dụng cụ.

**1. Định mức lao động**

- Định mức lao động bao gồm thời gian lao động hao phí (trực tiếp và gián tiếp) để thực hiện một bước công việc/dịch vụ, được tính bằng tổng của định mức lao động quản lý, định mức lao động chuyên môn nghiệp vụ và định mức lao động hỗ trợ, phục vụ:

- Định mức lao động quản lý là tổng thời gian lao động thực hiện chức năng quản lý để xử lý một công việc/dịch vụ. Cụ thể, trong định mức này, định mức lao động quản lý là tổng thời gian hao phí của lãnh đạo cấp Trung tâm và lãnh đạo cấp phòng thuộc các Trung tâm thực hiện chức năng quản lý nhằm cung cấp các dịch vụ công thuộc Trung tâm Công tác xã hội (sau đây gọi tắt là Trung tâm).

- Định mức lao động chuyên môn nghiệp vụ là tổng thời gian lao động trực tiếp và gián tiếp cần thiết của nhóm lao động chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện các bước công việc/dịch vụ.

- Định mức lao động hỗ trợ, phục vụ là tổng thời gian lao động phụ trợ thực hiện các chức năng hỗ trợ, phục vụ cho hoàn thành công việc/dịch vụ<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Điều 4 Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:

Các công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quản lý và áp dụng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật lao động, pháp luật dân sự và quy định của pháp luật khác có liên quan, gồm:

- Lái xe, bảo vệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

- Lễ tân, phục vụ; tạp vụ; trông giữ phương tiện; bảo trì, bảo dưỡng, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Công việc hỗ trợ, phục vụ khác thuộc danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập không được xác định là công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

## **2. Định mức sử dụng vật tư**

Là mức tiêu hao từng loại nguyên, nhiên vật liệu, vật tư cần thiết để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan ban hành.

Nội dung định mức sử dụng vật tư phải xây dựng gồm:

- Xác định danh mục, chủng loại vật tư, vật liệu cần thiết để sản xuất theo từng nội dung công việc tạo ra một đơn vị sản phẩm;

- Xác định số lượng/khối lượng theo từng loại vật tư, căn cứ vào chủng loại thiết bị, thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư);

- Xác định tỷ lệ (%) thu hồi vật tư, căn cứ vào đặc điểm, tính chất của vật tư để tính tỷ lệ (%) thu hồi (nếu có);

- Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của vật tư, mô tả thông số kỹ thuật của từng loại vật tư phù hợp để thực hiện một dịch vụ.

## **3. Định mức sử dụng tài sản cố định, công cụ, dụng cụ**

Định mức sử dụng tài sản cố định, công cụ, dụng cụ thời gian sử dụng cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành việc thực hiện một công việc/dịch vụ đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn ban hành.

Nội dung định mức sử dụng máy móc thiết bị phải xây dựng gồm:

- Xác định danh mục, chủng loại máy móc, thiết bị;

- Xác định thông số kỹ thuật cơ bản của máy móc, thiết bị;

- Xác định thời gian sử dụng từng chủng loại máy móc, thiết bị;

- Tổng hợp định mức máy móc, thiết bị.

**Phần 2**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ HỖ TRỢ  
KHẨN CẤP, HỖ TRỢ PHỤC HỒI VÀ HOÀ NHẬP CỘNG ĐỒNG  
CHO NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH  
XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN**

**I. DANH MỤC DỊCH VỤ**

**II. QUY TRÌNH TRIỂN KHAI DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHẨN CẤP, HỖ TRỢ PHỤC HỒI VÀ HOÀ NHẬP CỘNG ĐỒNG CHO NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN**

**III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT**

**3.1. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG**

**3.2. ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG VẬT TƯ**

**3.3. ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG CÔNG CỤ, DỤNG CỤ**

**3.4. ĐỊNH MỨC TÀI SẢN**

**3.5. CHI PHÍ BẰNG TIỀN CHO BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG**

**3.6. ĐỊNH MỨC CHO NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN**

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHẨN CẤP HỖ TRỢ PHỤC HỒI VÀ HOÀ NHẬP CỘNG ĐỒNG CHO NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN**

**I. DANH MỤC DỊCH VỤ**

**1. Dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp**

1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tại cộng đồng

1.1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm

1.1.2. Kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tới cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp

1.2. Tiếp nhận tại Trung tâm

1.2.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ xã, phường đến bàn giao tại Trung tâm

1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ

**2. Dịch vụ hỗ trợ phục hồi**

2.1. Dịch vụ tư vấn tâm lý, pháp lý

2.1.1. Dịch vụ tư vấn tâm lý

2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý

2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu

2.3. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)

2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ một phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)

2.3.3. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân có khả năng tự phục vụ sinh hoạt cá nhân hàng ngày

2.4. Dịch vụ y tế

2.4.1. Dịch vụ chăm sóc y tế, phục hồi chức năng

2.4.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân khám, điều trị tại bệnh viện

2.5. Dịch vụ tổ chức các hoạt động tập thể cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

2.6. Dịch vụ tiếp thân nhân người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

2.6.1. Thăm gặp gia đình tại đơn vị

2.6.2. Thăm gặp gia đình qua điện thoại, zalo

2.6.3. Dịch vụ tiếp nhận quà, đồ dùng của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

2.7. Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài, không biết tiếng phổ thông và các trường hợp khuyết tật đặc biệt khác

2.8. Dịch vụ tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc

2.8.1. Dịch vụ tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc - Trường hợp tìm được hoặc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tự trở về cơ sở

2.8.2. Dịch vụ tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc - Trường hợp không tìm được

2.9. Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

2.9.1. Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại bệnh viện có thân nhân

2.9.2. Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại bệnh viện không có thân nhân

2.9.3. Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại Trung tâm có thân nhân

2.9.4. Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại Trung tâm không có thân nhân

2.10. Thờ cúng (trường hợp không có thân nhân)

2.11. Hỗ trợ giám định tư pháp

### **3. Dịch vụ hỗ trợ hòa nhập cộng đồng**

3.1. Dịch vụ bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân cho gia đình tại Trung tâm

3.2. Dịch vụ hỗ trợ đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về địa phương

3.3. Dịch vụ hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tự về gia đình, cộng đồng

3.4. Dịch vụ chuyên người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đến các cơ quan, đơn vị khác

*\* Đối với đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng ở trong nước được hưởng các chế độ hỗ trợ như người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, trừ mục 3 (Dịch vụ hỗ trợ hòa nhập cộng đồng).*

*\* Đối với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam thì được hưởng các chế độ như người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, trừ mục 3 (Dịch vụ hỗ trợ hòa nhập cộng đồng).*

## II. QUY TRÌNH TRIỂN KHAI DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHẨN CẤP, HỖ TRỢ PHỤC HỒI VÀ HOÀ NHẬP CỘNG ĐỒNG CHO NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN

### 1. Dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp

#### 1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tại cộng đồng

##### 1.1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm

<b><i>Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra thông tin và lập hồ sơ</i></b>
<p>Tiếp nhận thông tin, thông báo về trường hợp từ: Tổng đài 111, chính quyền địa phương, Công an v.v., thực hiện khai thác thông tin.</p> <p>Phối hợp với các đơn vị liên quan xác minh thông tin, ngăn chặn hành vi , đảm bảo an toàn cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Tư vấn cho địa phương, Công an xác nhận rõ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, khám sức khỏe cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, tư vấn quy trình can thiệp, hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và thủ tục, hồ sơ tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân vào Trung tâm.</p>
<b><i>Bước 2: Đánh giá sơ bộ ban đầu, nhu cầu hỗ trợ khẩn cấp</i></b>
<p>Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc để đánh giá nguy cơ ban đầu về mức độ tổn hại của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Trường hợp trẻ em bị đe dọa hoặc bị gây tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, đề nghị người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã phối hợp với công an để ngăn chặn hành vi (can thiệp nhanh nhất có thể và không quá 12 giờ từ khi nhận được thông tin).</p> <p>Áp dụng các biện pháp khẩn cấp nhằm đảm bảo nhu cầu an toàn tạm thời gồm: chỗ ở và các điều kiện sinh hoạt (nơi chăm sóc tạm thời, thức ăn, quần áo); an toàn về sức khỏe (chăm sóc y tế, tư vấn tâm lý).</p>
<b><i>Bước 3: Thu thập thông tin, xác minh, đánh giá nguy cơ cụ thể</i></b>
<p>Tiếp tục thu thập các thông tin, xác minh và đánh giá các nguy cơ cụ thể về tình trạng thể chất, tâm lý, tình cảm, hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ...của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.</p> <p>Tùy từng trường hợp cụ thể nhân viên quản lý trường hợp thực hiện xây dựng kế hoạch hỗ trợ can thiệp, trợ giúp phù hợp.</p>

***Bước 4: Thực hiện tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Khi Công an xác nhận đúng là người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị và hoàn thiện hồ sơ sẽ thực hiện thủ tục tiếp nhận vào Trung tâm.

Báo cáo Sở Y tế Hà Nội xin chỉ đạo về việc tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân vào Trung tâm phù hợp.

Di chuyển đến Ủy ban nhân dân, Công an xã, phường, lập biên bản tiếp nhận và đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về Trung tâm.

Ban hành Quyết định tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân vào chăm sóc, nuôi dưỡng.

***Bước 5: Lập hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Mở hồ sơ quản lý, theo dõi người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định.

**1.1.2. Kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tới Cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp*****Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra thông tin và lập hồ sơ***

Tiếp nhận thông tin, thông báo về trường hợp từ: Tổng đài 111, chính quyền địa phương, Công an v.v., thực hiện khai thác thông tin.

Phối hợp với các đơn vị liên quan xác minh thông tin, ngăn chặn hành vi , đảm bảo an toàn cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Tư vấn cho địa phương, Công an xác nhận rõ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân , khám sức khỏe cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, tư vấn quy trình can thiệp, hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và thủ tục, hồ sơ tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân vào Trung tâm.

***Bước 2: Đánh giá sơ bộ ban đầu, nhu cầu hỗ trợ khẩn cấp***

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc để đánh giá nguy cơ ban đầu về mức độ tổn hại của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Trường hợp trẻ em bị đe dọa hoặc bị gây tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, đề nghị người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã phối hợp với công an để ngăn chặn hành vi (can thiệp nhanh nhất có thể và không quá 12 giờ từ khi nhận được thông tin).

Áp dụng các biện pháp khẩn cấp nhằm đảm bảo nhu cầu an toàn tạm thời gồm: chỗ ở và các điều kiện sinh hoạt (nơi chăm sóc tạm thời, thức ăn, quần áo); an toàn về sức khỏe (chăm sóc y tế, tư vấn tâm lý).

<b><i>Bước 3: Thu thập thông tin, xác minh, đánh giá nguy cơ cụ thể</i></b>
Tiếp tục thu thập các thông tin, xác minh và đánh giá các nguy cơ cụ thể về tình trạng thể chất, tâm lý, tình cảm, hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ...của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
Tuỳ từng trường hợp cụ thể nhân viên quản lý trường hợp thực hiện xây dựng kế hoạch hỗ can thiệp, trợ giúp phù hợp.
<b><i>Bước 4: Thực hiện kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tới cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp</i></b>
Khi Công an xác nhận đúng là người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán và hoàn thiện hồ sơ sẽ thực hiện thủ tục tiếp nhận vào Trung tâm.
Báo cáo Sở Y tế xin chỉ đạo về việc tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân vào Trung tâm phù hợp.
Thực hiện kết nối chuyển tuyến người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đến Trung tâm khác phù hợp.

## 1.2. Tiếp nhận tại Trung tâm

### 1.2.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ xã, phường đến bàn giao tại Trung tâm

<b><i>Bước 1: Xây dựng kế hoạch phân công cán bộ trực tại đơn vị 24/7</i></b>
<b><i>Bước 2: Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
Cán bộ trực trực tiếp xúc với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, thực hiện công tác tư vấn, kiểm tra đôi chiều thông tin hồ sơ, sức khoẻ của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thực tế.
Trường hợp đủ điều kiện thì báo cáo lãnh đạo đề xuất tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân vào Trung tâm.
<b><i>Bước 3: Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân vào Trung tâm</i></b>
Lập biên bản tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân từ Ủy ban nhân dân cấp xã vào Trung tâm
Lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

### 1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ

***Bước 1: Thống nhất bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, tiền, tài sản, đồ dùng mang theo của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Kiểm tra số lượng người, tình trạng sức khỏe, kiểm tra tiền, tài sản, đồ dùng mang theo của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Lập các biên bản:

Bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và các tài sản đồ dùng mang theo của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

Biên bản xét nghiệm thử thai, thử nghiệm ma túy...

***Bước 2: Hướng dẫn người đang trong quá trình xác định là nạn nhân lưu ký tiền, tài sản, vật chất có giá trị***

Lập phiếu lưu ký, niêm phong tài sản ký gửi. Các người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người có vấn đề về sức khỏe tâm thần, các trường hợp cần thiết khác có người chứng kiến việc lưu ký tài sản (*là người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đảm bảo năng lực hành vi nhận thức đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm*).

***Bước 3: Sắp xếp phòng ở, trang thiết bị, đồ dùng cần thiết cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

***Bước 4: Lập hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Phỏng vấn, khai thác thông tin người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, chụp ảnh khi được người đang trong quá trình xác định là nạn nhân cho phép để dán vào hồ sơ quản lý người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Với các trường hợp không hợp tác, chưa cung cấp được thông tin cá nhân và nhân thân, tiếp tục thực hiện các buổi phỏng vấn để hoàn thiện hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (*ít nhất 03 lần/01 trường hợp*).

Cập nhật bổ sung thông tin, quản lý hồ sơ; thông tin trên phần mềm quản lý người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của Cục Bảo trợ xã hội; thông tin người đang trong quá trình xác định là nạn nhân trong sổ quản lý, theo dõi người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tại Trung tâm.

## 2. Dịch vụ hỗ trợ phục hồi

### 2.1. Dịch vụ tư vấn tâm lý, pháp lý

**2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý**

<b><i>Bước 1: Thiết lập mối quan hệ, đánh giá ban đầu</i></b>
Nhân viên tư vấn trực tiếp tiếp xúc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, chào hỏi, làm quen, nắm bắt thông tin, tìm hiểu nhu cầu, mong muốn của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
Đánh giá ban đầu tình hình sức khoẻ tâm lý, nhu cầu của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và thực hiện tư vấn, tham vấn.
<b><i>Bước 2: Xây dựng kế hoạch can thiệp, hỗ trợ</i></b>
Xây dựng kế hoạch can thiệp, trợ giúp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân: Căn cứ vào tình trạng, nhu cầu của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nhân viên tư vấn xây dựng kế hoạch tư vấn, hỗ trợ phù hợp.
<b><i>Bước 3: Thực hiện kế hoạch can thiệp, hỗ trợ</i></b>
Thực hiện tư vấn, tham vấn tâm lý giúp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân giải tỏa cảm xúc, ổn định tâm lý. Trường hợp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị sang chấn tâm lý, thực hiện đánh giá và tiến hành các hoạt động trị liệu tâm lý. <i>(Mỗi người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tư vấn từ 10-15 lượt)</i>
Trang bị kiến thức, kỹ năng sống với các nội dung phù hợp độ tuổi, giới tính cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
Phối hợp với gia đình, nhà trường trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và hỗ trợ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
Kết nối, chuyển tuyến người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đến các cơ quan, đơn vị nếu quá khả năng hỗ trợ của Trung tâm.
<b><i>Bước 4: Đánh giá, kết thúc tư vấn.</i></b>
Đánh giá kết quả hỗ trợ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân: xem xét các thay đổi và tiến bộ của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
Điều chỉnh kế hoạch hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân <i>(nếu cần thiết)</i> .
Nhập và lưu thông tin vào hồ sơ quản lý.

**2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý**

***Bước 1: Nắm bắt nhu cầu cần trợ giúp pháp lý của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Nắm bắt những khó khăn liên quan đến pháp lý mà người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đang gặp phải và nhu cầu hỗ trợ pháp lý của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

***Bước 2: Kết nối các cá nhân, đơn vị trợ giúp pháp lý***

Liên hệ với Luật sư, các đơn vị hỗ trợ pháp lý để hỗ trợ pháp lý cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

***Bước 3: Theo dõi, đánh giá***

Theo dõi tiến trình giải quyết nhu cầu trợ giúp pháp lý của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

Đánh giá kết quả trợ giúp của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với nhu cầu của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (nếu cần thiết).

Kết thúc hỗ trợ khi nhu cầu của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đã đạt mục tiêu.

**2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu**

***Bước 1: Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện***

***Bước 2: Kiểm tra sức khỏe, lập hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Đánh giá tinh thần người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, khai thác tiền sử bệnh tật.

*Đối với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là trẻ em dưới 6 tuổi:* Tổ chức khám sức khỏe, đo nhiệt độ, nhịp tim, huyết áp, kiểm tra tai, mũi, họng... quan sát và đánh giá tình trạng chung của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, vào sổ thăm khám và theo dõi sức khỏe của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, có kế hoạch tiêm chủng theo độ tuổi.

*Đối với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân khác (từ 6 tuổi trở lên):* Tổ chức khám sức khỏe, đo nhiệt độ, nhịp tim, huyết áp, kiểm tra tai, mũi, họng... quan sát và đánh giá tình trạng chung của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, vào sổ thăm khám và theo dõi sức khỏe của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Đối với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân nữ trong độ tuổi sinh đẻ, test thử thai, có phương án chăm sóc theo dõi sức khỏe nếu người đang trong quá trình xác định là nạn nhân có thai.

***Bước 3: Sơ cứu ban đầu cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Thực hiện các biện pháp sơ cứu ban đầu cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, giải thích nếu người đang trong quá trình xác định là nạn nhân có tình trạng bệnh nguy hiểm.

Sau khi sơ cứu, phối hợp với tổ công tác đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đến Trung tâm y tế gần nhất để khám và điều trị kịp thời.

***Bước 4: Phân công cán bộ chăm sóc theo dõi bệnh lý***

Nhân viên y tế theo dõi diễn biến bệnh của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, động viên người đang trong quá trình xác định là nạn nhân ăn uống, duy trì sinh hoạt nề nếp ổn định để đảm bảo sức khỏe.

Cấp phát thuốc, theo dõi, đánh giá tình trạng tiến triển của bệnh, có phương án chăm sóc và điều trị hợp lý.

***Bước 5: Tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình sức khỏe của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Báo cáo kết quả khám sức khỏe người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, xây dựng kế hoạch chăm sóc, điều trị cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

**2.3. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân****2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)*****Chuẩn bị nơi ở và điều kiện sinh hoạt cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Chuẩn bị cơ sở vật chất phòng ở, trang thiết bị đảm bảo theo quy định

Cung cấp đồ dùng sinh hoạt, tư trang cá nhân cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đảm bảo theo quy định

Đảm bảo nguồn điện, nước sinh hoạt cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

***Chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Phục vụ, chăm sóc vệ sinh cá nhân cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

Vệ sinh phòng ở

Nhận khẩu phần ăn (sáng – trưa - tối) và xúc cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân ăn
Cập nhật thông tin sức khỏe, nhân thân, tâm lý, năng lực nhận thức của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, xây dựng kế hoạch quản lý, chăm sóc phù hợp. Dự trù kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo theo chỉ tiêu được giao, cán bộ quản lý, chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
Trực chăm sóc, phục vụ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân 24/24h
<b><i>Cung cấp dinh dưỡng</i></b>
Xây dựng thực đơn hàng tuần, hàng ngày theo đúng chế độ và nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân;
Căn cứ thực đơn, quản lý bếp ăn lập bảng cân đối tài chính thu chi theo chế độ ăn của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân để dự trù lương thực, thực phẩm phục vụ ăn trong ngày.
Xây dựng dự toán kinh phí, lương thực, thực phẩm.
Kiểm tra bảng cân đối thu chi, trình thủ trưởng đơn vị ký duyệt
Công khai tài chính trên bảng tin tại nhà ăn
Liên hệ nhà cung cấp, ký hợp đồng cung cấp lương thực, thực phẩm.
Phối hợp với nhà cung cấp thực phẩm, nhận kiểm tra chất lượng, số lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.
Tiếp phẩm tiến hành mua lương thực, thực phẩm
Sơ chế, chế biến thực phẩm;
Chia khẩu phần ăn;
Lưu mẫu và bảo quản mẫu thức ăn đúng quy định của ngành y tế;
Bàn giao xuất ăn;
Dọn dẹp, vệ sinh công cụ, dụng cụ, nhà ăn, nhà bếp, khuôn viên cảnh quan xung quanh.
Quyết toán tiền ăn theo quy định.
<b>Theo dõi, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân hiệu quả, phù hợp hơn.</b>

### 2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)

<b><i>Chuẩn bị nơi ở và điều kiện sinh hoạt cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
Chuẩn bị cơ sở vật chất phòng ở, trang thiết bị đảm bảo theo quy định.
Cung cấp đồ dùng sinh hoạt, tư trang cá nhân cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đảm bảo theo quy định;
Đảm bảo nguồn điện, nước sinh hoạt cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
<b><i>Chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
Hỗ trợ, đôn đốc, giám sát người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thực hiện vệ sinh cá nhân.
Hướng dẫn, trợ giúp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân vệ sinh phòng ở; vệ sinh xung quanh khu quản lý, chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; trợ giúp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể theo khả năng của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Kết nối, thực hiện các dịch vụ khác đảm bảo quyền lợi người đang trong quá trình xác định là nạn nhân
Hỗ trợ, đôn đốc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân nhận khẩu phần ăn (sáng - trưa - tối)
Cập nhật thông tin sức khỏe, nhân thân, tâm lý, năng lực nhận thức của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, xây dựng kế hoạch quản lý, chăm sóc phù hợp. Dự trù kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo theo chỉ tiêu được giao, cán bộ đảm bảo phục vụ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
Trực chăm sóc, phục vụ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân 24/24h
<b><i>Cung cấp dinh dưỡng</i></b>
Xây dựng thực đơn hàng tuần, hàng ngày theo đúng chế độ và nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân;
Căn cứ thực đơn, quản lý bếp ăn lập bảng cân đối tài chính thu chi theo chế độ ăn của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân để dự trù lương thực, thực phẩm phục vụ ăn trong ngày.
Xây dựng dự toán kinh phí, lương thực, thực phẩm.
Kiểm tra bảng cân đối thu chi, trình thủ trưởng đơn vị ký duyệt
Công khai tài chính trên bảng tin tại nhà ăn
Liên hệ nhà cung cấp, ký hợp đồng cung cấp lương thực, thực phẩm.

Phối hợp với nhà cung cấp thực phẩm, nhận kiểm tra chất lượng, số lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.
Tiếp phẩm tiến hành mua lương thực, thực phẩm
Bộ phận cấp dưỡng tiếp nhận thực phẩm, phối hợp với bộ phận y tế kiểm tra về an toàn và vệ sinh thực phẩm đảm bảo chất lượng
Sơ chế, chế biến thực phẩm
Chia khẩu phần ăn
Lưu mẫu và bảo quản mẫu thức ăn đúng quy định của ngành y tế
Bàn giao xuất ăn
Dọn dẹp, vệ sinh công cụ, dụng cụ, nhà ăn, nhà bếp, khuôn viên cảnh quan xung quanh
Quyết toán tiền ăn theo quy định
<b>Theo dõi, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân hiệu quả, phù hợp hơn.</b>

### 2.3.3. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân có khả năng tự phục vụ sinh hoạt cá nhân hàng ngày

<b><i>Bước 1: Chuẩn bị cơ sở vật chất, nhân lực cho kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
Chuẩn bị cơ sở vật chất phòng ở, trang thiết bị, cung cấp đồ dùng sinh hoạt cá nhân đảm bảo theo quy định.
Cập nhật thông tin sức khỏe, nhân thân, tâm lý, năng lực nhận thức của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, xây dựng kế hoạch quản lý, chăm sóc phù hợp. Dự trù kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo theo chỉ tiêu được giao, cán bộ đảm bảo phục vụ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
<b><i>Bước 2: Tổ chức quản lý, chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
Thực quản lý, chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân 24/7, hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tham gia các hoạt động sinh hoạt hàng ngày ăn, uống, vệ sinh cá nhân, tắm, giặt...
Hướng dẫn người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tham gia lao động vệ sinh phòng ở, vệ sinh xung quanh khuôn viên khu vực quản lý nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, tham gia lao động trị liệu, các hoạt động sinh hoạt tập thể... Kết nối, thực hiện các dịch vụ khác đảm bảo quyền lợi người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

<b><i>Bước 3: Nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
Xây dựng dự toán kinh phí, lương thực, thực phẩm.
Liên hệ nhà cung cấp, ký hợp đồng cung cấp lương thực, thực phẩm.
Xây dựng thực đơn hàng tuần, hàng ngày theo đúng chế độ và nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân;
Phối hợp với nhà cung cấp thực phẩm, nhận kiểm tra chất lượng, số lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.
Công khai tài chính; thực đơn hàng ngày
Chế biến thực phẩm; chia khẩu phần ăn; lưu mẫu và bảo quản mẫu thức ăn theo quy định.
Bàn giao chế độ ăn cho bộ phận quản lý người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; dọn dẹp vệ sinh công cụ dụng cụ phục vụ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
Quyết toán tiền ăn theo quy định.
<b><i>Bước 4: Theo dõi, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân hiệu quả, phù hợp hơn.</i></b>

## 2.4. Dịch vụ y tế

### 2.4.1. Dịch vụ chăm sóc y tế, phục hồi chức năng

<b><i>Bước 1: Đánh giá tình trạng sức khỏe của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
Bộ phận y tế triển khai khám bệnh, điều trị, cấp phát thuốc các bệnh thông thường. Theo dõi tình trạng bệnh, phân loại sức khỏe của các nhóm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, lập kế hoạch chăm sóc, phục hồi chức năng.
Theo dõi sức khỏe cân nặng, huyết áp các người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bệnh mãn tính huyết áp, tiểu đường, tổ chức đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bệnh nặng đi khám điều trị bệnh chuyên sâu tại bệnh viện.
<b><i>Bước 2: Chăm sóc y tế, vật lý trị liệu</i></b>
<b>* Chăm sóc y tế:</b>
Tùy từng nhóm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân nhân viên y tế tổ chức theo dõi, điều trị cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phù hợp. Triển khai công tác phòng chống dịch bệnh: Công tác khử khuẩn phòng ở, cách ly y tế khi cần thiết, khám sàng lọc bệnh cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, tiêm phòng vacxin, cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân uống thuốc, tư vấn điều trị, trị liệu, chế độ dinh dưỡng...

**\* Vật lý trị liệu:**

Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác trị liệu.

Dựa trên kết quả đánh giá sức khỏe về thể trạng, bệnh lý của từng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, tiến hành quá trình vật lý trị liệu với các hình thức trị liệu nhẹ nhàng nhằm lấy lại các chức năng cơ bản của từng bộ phận trên cơ thể.

Vận động cơ học: Tiến hành các bài tập vận động cơ tay chân co duỗi, tập đi, tập cùng các thiết bị máy tập...

Vật lý trị liệu bằng các tác nhân vật lý: Dùng các máy móc chuyên dụng, máy sóng âm điện xung, điều trị sóng ngắn, điều trị, nước thuốc ngâm, mát sa chân, chiếu đèn hồng ngoại, túi chườm nóng...

Đối với các trường hợp bệnh nặng cần điều trị chuyên sâu, chuyển điều trị tại các bệnh viện phù hợp với từng nhóm bệnh.

Đánh giá kết quả trị liệu, ghi chép sự tiến triển trên từng người và lưu hồ sơ bệnh án.

**\* Các hoạt động trị liệu:** Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao theo từng khả năng, sở trường của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đặc biệt triển khai cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người cao tuổi

Bố trí phòng đọc sách báo, nghe đài, kể truyện, trang thiết bị tổ chức các hoạt động giao lưu văn nghệ, ca hát, ngâm thơ, chơi trò chơi, nhằm tăng tính tương tác, giải trí về tinh thần, giúp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân vui vẻ hoạt bát hơn.

***Bước 3: Quyết toán thuốc***

Kết thúc đợt điều trị, nhân viên y tế vào sổ theo dõi theo quy định.

Tổng hợp cơ số thuốc, vật tư cấp phát.

Kiểm kê kho thuốc, hoàn thiện chứng từ quyết toán thuốc theo quý; đề xuất mua thuốc, trang thiết bị y tế, đảm bảo phục vụ công tác y tế, trị liệu tại đơn vị.

***Bước 4. Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Tập hợp hồ sơ điều trị của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, vào sổ theo dõi sức khỏe, sổ cấp phát thuốc, hoàn thiện đơn thuốc, tổng hợp quyết toán thuốc theo quý, năm lưu hồ sơ và quản lý theo quy định.

## 2.4.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân khám, điều trị tại bệnh viện

<p><b><i>Bước 1: Xác định tình trạng sức khỏe người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b></p>
<p>Nhân viên y tế kiểm tra sức khỏe người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, trường hợp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân có biểu hiện sức khỏe bất thường, suy yếu, đề xuất báo cáo các cấp phân công tổ công tác đưa đi viện cấp cứu hoặc kiểm tra sức khỏe kịp thời. (trường hợp không có nhân viên y tế, nhân viên quản lý trực tiếp phát hiện người đang trong quá trình xác định là nạn nhân có biểu hiện sức khỏe bất thường đề xuất.</p>
<p><b><i>Bước 2: Đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đến Bệnh viện khám và điều trị</i></b></p>
<p>Tổ công tác chuẩn bị các điều kiện đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đi viện (tối thiểu 03 người gồm nhân viên y tế, nhân viên quản lý người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nhân viên lái xe).</p>
<p>Thực hiện các quy trình, thủ tục theo hướng dẫn của bác sỹ</p>
<p><b><i>Bước 3: Quản lý, chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (trường hợp phải điều trị dài ngày tại bệnh viện)</i></b></p>
<p>Phân công cán bộ quản lý chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tại bệnh viện đảm bảo an toàn.</p>
<p>Phối hợp với bệnh viện thực hiện các yêu cầu theo hướng dẫn đảm bảo phục vụ điều trị bệnh cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.</p>
<p><b><i>Bước 4: Kết thúc điều trị, thanh quyết toán kinh phí</i></b></p>
<p>Kết thúc điều trị đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân trở về Trung tâm bằng phương tiện xe ô tô (tổ công tác gồm nhân viên lái xe, nhân viên y tế, nhân viên quản lý chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân). Trường hợp có chỉ định của Bệnh viện tiếp tục mua thuốc điều trị cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.</p>
<p>Hoàn thiện hồ sơ, cập nhật thông tin giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.</p>
<p>Thực hiện các thủ tục thanh toán kinh phí theo quy định.</p>

## 2.5. Dịch vụ tổ chức các hoạt động tập thể cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

<b><i>Bước 1: Xây dựng kế hoạch, các chương trình hoạt động và cơ sở vật chất tổ chức các hoạt động tập thể cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
<b><i>Bước 2: Tổ chức sinh hoạt</i></b>
Phổ biến tuyên truyền chính sách pháp luật liên quan đến người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, quyền lợi trách nhiệm của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và nội quy, quy định của Trung tâm.
Tổ chức người đang trong quá trình xác định là nạn nhân xem ti vi, tham gia, các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể thao, trò chơi giải trí tạo khí thế vui tươi cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
Cấp phát hàng quà tặng và các nhu yếu phẩm cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (nếu có) cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân sinh hoạt.
<b><i>Bước 3. Kết thúc sinh hoạt</i></b>
Biểu dương, động viên khen thưởng những người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thực hiện tốt nội quy quy định, tham gia nhiệt tình các hoạt động tập thể.
Thu dọn các đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sinh hoạt.

## 2.6. Dịch vụ tiếp thân nhân người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

### 2.6.1. Thăm gặp gia đình tại đơn vị

<b><i>Bước 1: Chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp dân, tổ chức người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thăm gặp gia đình tại đơn vị</i></b>
Chuẩn bị cơ sở vật chất, phòng tiếp dân, trang thiết bị, đồ dùng đảm bảo điều kiện thực hiện tiếp dân, tổ chức thăm gặp gia đình.
<b><i>Bước 2: Tiếp thân nhân và người đang trong quá trình xác định là nạn nhân gặp gia đình</i></b>
Kiểm tra giấy tờ tùy thân, xác định thân nhân và thông tin thăm gặp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân ra phòng tiếp dân để thực hiện thăm thân nhân gia đình.
Thông tin đến thân nhân, gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân việc tiếp nhận, giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội..., thông tin thời gian, hướng dẫn thủ tục giải quyết. Hướng dẫn thân nhân gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân gửi quà, gửi đồ. Cập nhật ghi chép thông tin tiếp dân.

***Bước 3: Kết thúc thăm gặp gia đình***

Thông nhất với thân nhân gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân các nội dung đã được thông tin, ghi chép, ký sổ tiếp dân.

Đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân trở lại nơi quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng

***Bước 4: Tổng hợp báo cáo***

Báo cáo kết quả tiếp công dân với lãnh đạo phòng, Trung tâm.

Tham mưu các văn bản trả lời công dân (nếu có).

**2.6.2. Thăm gặp gia đình qua điện thoại, zalo*****Bước 1: Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất***

Chuẩn bị cơ sở vật chất, phòng thăm gặp, trang bị thiết bị, đồ dùng đảm bảo phục vụ công tác tổ chức thăm gặp gia đình qua điện thoại, zalo.

***Bước 2: Tổ chức thăm gặp***

Xác định thân nhân, gia đình và người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đang được chăm sóc nuôi dưỡng tại Trung tâm thuộc diện thăm gặp. Thông tin, giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thăm gặp thân nhân, gia đình qua điện thoại, zalo.

Ghi sổ nhật ký người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thăm gặp thân nhân, gia đình qua điện thoại, zalo. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân ký xác nhận.

***Bước 3: Tổng hợp thông tin thăm gặp***

Các trường hợp theo thẩm quyền tổng hợp báo cáo Ban Giám đốc Trung tâm chỉ đạo, giải quyết. Tổng hợp số liệu người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thăm gặp gia đình qua điện thoại, zalo cập nhật báo cáo theo quy định.

Thanh toán kinh phí theo quy định.

**2.6.3. Dịch vụ tiếp nhận quà, đồ dùng của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân*****Bước 1: Tiếp đón thân nhân, gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Xác định thân nhân và người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đang được chăm sóc nuôi dưỡng tại Trung tâm thuộc diện gửi quà, gửi đồ. Hướng dẫn thân nhân, gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân các Quy định về việc gửi quà, đồ dùng cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

***Bước 2: Tiếp nhận quà, đồ dùng***

Giải quyết thân nhân người đang trong quá trình xác định là nạn nhân gửi quà, gửi đồ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Kiểm tra số lượng, hạn sử dụng, quà, đồ được gửi theo quy định.

Vào sổ ghi chép thông tin thân nhân người đang trong quá trình xác định là nạn nhân gửi quà, gửi đồ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Thân nhân gia đình và người đang trong quá trình xác định là nạn nhân ký xác nhận.

***Bước 3: Quản lý hướng dẫn người đang trong quá trình xác định là nạn nhân sử dụng quà, đồ dùng đảm bảo vệ sinh an toàn.*****2.7. Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài, không biết tiếng phổ thông và các trường hợp khuyết tật đặc biệt khác*****Bước 1: Xác định người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thuộc diện cần sử dụng dịch vụ dịch thuật, phiên dịch***

Đánh giá, xác định nhu cầu và rà soát, lập danh sách người đang trong quá trình xác định là nạn nhân cần dịch thuật, phiên dịch

Báo cáo đề xuất thực hiện dịch thuật, phiên dịch

***Bước 2: Liên hệ đơn vị cung cấp dịch vụ dịch thuật, phiên dịch***

Cung cấp thông tin cho đơn vị dịch thuật, phiên dịch

Xác định giá dịch thuật, phiên dịch xây dựng dự toán kinh phí

***Bước 3: Thực hiện dịch thuật, phiên dịch sử dụng tài liệu dịch thuật, phiên dịch trong quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Phối hợp cung cấp thông tin cần thu thập, sử dụng để đơn vị phiên dịch thực hiện phiên dịch, cùng làm việc với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

Nhận, quản lý tài liệu dịch thuật, phiên dịch để phục vụ cho công tác quản lý, chăm sóc, giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

***Bước 4: Thanh toán kinh phí, lưu trữ thông tin***

Hoàn thiện thủ tục thanh toán kinh phí dịch thuật, phiên dịch

Lưu trữ thông tin, cập nhật hồ sơ theo quy định

## 2.8. Dịch vụ tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc

### 2.8.1. Dịch vụ tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc - Trường hợp tìm được hoặc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tự trở về cơ sở

Phát hiện người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc khỏi cơ sở Bảo trợ xã hội
Lập biên bản sự việc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc.
Triển khai các biện pháp tìm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân:
+ Nắm bắt thông tin người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc
+ Trích trích xuất camera
+ Cung cấp thông tin người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và ảnh người đang trong quá trình xác định là nạn nhân để cấp phát cho các phòng chuyên môn tham gia tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
+ Liên hệ với giáo viên, trường, bạn cùng lớp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân học
+ Liên hệ với gia đình/thân nhân người đang trong quá trình xác định là nạn nhân để nắm bắt thông tin, cùng phối hợp tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân
Hợp cơ quan phân công nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn phối hợp tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân
Cán bộ các phòng nghiệp vụ tham gia tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân
Sau 24h tìm kiếm không có thông tin, cơ sở Bảo trợ xã hội trình báo Công an trên địa bàn phối hợp tìm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc.
Văn bản báo cáo Sở Y tế
Sau khi tìm được người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tự trở về
+ Kiểm tra tổng quan tình hình sức khỏe của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
+ Gặp gỡ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân trao đổi, nắm bắt tâm lý, nguyện vọng, tư vấn hỗ trợ ổn định tâm lý của họ.
+ Lập hồ sơ theo dõi người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
+ Thông tin các cơ quan về tình hình của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân
Kết thúc vụ việc Giám đốc Cơ sở họp rút kinh nghiệm.

### 2.8.2. Dịch vụ tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc - Trường hợp không tìm được

Phát hiện người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc khỏi cơ sở bảo trợ xã hội
Lập biên bản sự việc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc.
Triển khai các biện pháp tìm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân:
+ Nắm bắt thông tin người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc,
+ Trích trích xuất camera
+ Cung cấp thông tin người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và ảnh để cấp phát cho các phòng chuyên môn tham gia tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
+ Liên hệ với giáo viên, trường, bạn cùng lớp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân học,
+ Liên hệ với gia đình/thân nhân người đang trong quá trình xác định là nạn nhân để nắm bắt thông tin, cùng phối hợp tìm kiếm.
Hợp cơ quan phân công nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn phối hợp tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân
Cán bộ các phòng nghiệp vụ tham gia tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân
Sau 24h tìm kiếm không có thông tin, cơ sở Bảo trợ xã hội trình báo Công an trên địa bàn phối hợp tìm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc.
Văn bản báo cáo Sở Y tế
<b><i>Đánh giá, rút kinh nghiệm sự việc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc, hoàn thiện hồ sơ giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
Hoàn thiện hồ sơ kết thúc quản lý người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (sau 01 tháng bỏ trốn/đi lạc khỏi Trung tâm). Lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
Đánh giá, kiểm điểm các tập thể, cá nhân để xảy ra sự việc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc.
Báo cáo Sở Y tế

**2.9. Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân****2.9.1. Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại bệnh viện có thân nhân**

(trường hợp gia đình không tiếp nhận thi hài người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thì thực hiện quy trình như trường hợp tử vong không có thân nhân)

***Bước 1: Xác định người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong, thực hiện các thủ tục ban đầu***

Phối hợp bệnh viện, Ban tang lễ thành phố Hà Nội thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Báo cáo Sở Y tế về việc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong và xử lý giải quyết.

***Bước 2: Thực hiện các thủ tục bàn giao cho gia đình***

Thông tin đến thân nhân gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân để phối hợp giải quyết theo quy định của pháp luật.

Thực hiện bàn giao thi hài để gia đình lo hậu sự.

***Bước 3: Hỗ trợ gia đình làm thủ tục an táng******Bước 4: Hoàn thiện thanh toán, hồ sơ giải quyết***

Thực hiện các thủ tục thanh toán kinh phí theo quy định

Hoàn thiện hồ sơ, cập nhật thông tin giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân Lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

**2.9.2. Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại bệnh viện không có thân nhân*****Bước 1: Xác định người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong, thực hiện các thủ tục ban đầu***

Báo cáo Sở Y tế về việc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong và xử lý giải quyết.

Phối hợp bệnh viện, Ban tang lễ thành phố Hà Nội thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm thân nhân, gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phối hợp giải quyết.

***Bước 2: Thực hiện mai táng***

Liên hệ Ban tang lễ thành phố Hà Nội ký Hợp đồng vận chuyển thi hài, hỏa táng, gửi bình tro cốt. Thực hiện các thủ tục nghi lễ hỏa táng, gửi bình tro cốt theo quy định.

Các trường hợp cần thực hiện chôn cất, địa táng phối hợp với các địa phương, hoàn thiện các thủ tục theo quy định.

***Bước 3: Hoàn thiện thanh toán, hồ sơ giải quyết***

Thực hiện các thủ tục thanh toán kinh phí theo quy định

Hoàn thiện hồ sơ, cập nhật thông tin giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

**2.9.3. Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại Trung tâm có thân nhân**

*(trường hợp gia đình không tiếp nhận thi hài người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thì thực hiện quy trình như trường hợp tử vong không có thân nhân)*

***Bước 1: Xác định người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong, thực hiện các thủ tục ban đầu***

Báo cáo Sở Y tế về việc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong và xử lý giải quyết.

Liên hệ với gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân; phối hợp chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan, Ban tang lễ thành phố Hà Nội thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.

***Bước 2: Thực hiện các thủ tục bàn giao cho gia đình***

Làm việc với thân nhân người đang trong quá trình xác định là nạn nhân để phối hợp giải quyết theo quy định của pháp luật.

Thực hiện bàn giao thi hài để gia đình lo hậu sự.

***Bước 3: Hỗ trợ gia đình làm thủ tục an táng******Bước 4: Hoàn thiện thanh toán, hồ sơ giải quyết***

Thực hiện các thủ tục thanh toán kinh phí theo quy định

Hoàn thiện hồ sơ, cập nhật thông tin giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

#### 2.9.4. Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại Trung tâm không có thân nhân

***Bước 1: Xác định người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong, thực hiện các thủ tục ban đầu***

Báo cáo Sở Y tế về việc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong và xử lý giải quyết.

Phối hợp chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan, Ban tang lễ thành phố Hà Nội thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm thân nhân, gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

***Bước 2: Thực hiện mai táng***

Liên hệ Ban tang lễ thành phố Hà Nội ký Hợp đồng vận chuyển thi hài, hỏa táng, gửi bình tro cốt. Thực hiện các thủ tục nghi lễ hỏa táng, gửi bình tro cốt theo quy định.

Các trường hợp cần thực hiện chôn cất, địa táng phối hợp với các địa phương, hoàn thiện các thủ tục theo quy định.

***Bước 3: Hoàn thiện thanh toán, hồ sơ giải quyết***

Thực hiện các thủ tục thanh toán kinh phí theo quy định.

Hoàn thiện hồ sơ, cập nhật thông tin giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

#### 2.10. Thờ cúng (trường hợp không có thân nhân)

***Bước 1: Chuẩn bị cơ sở vật chất phòng thờ cúng có ban thờ, bát hương đảm bảo các quy định về thờ cúng***

***Bước 2: Thực hiện thờ cúng***

Lập danh sách người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong không có thân nhân gia đình tiếp nhận, thực hiện các thủ tục, nghi lễ thờ cúng theo Quy định

Căn cứ danh sách người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong thực hiện mua lễ, thờ cúng theo ngày mất và các dịp Lễ, Tết

***Bước 3: Thực hiện các thủ tục thanh toán kinh phí theo quy định***

#### 2.11. Hỗ trợ giám định tư pháp

Báo cáo Sở Y tế khi có đề nghị trung cầu giám định của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

Hỗ trợ làm đơn hoặc liên hệ với cơ quan chức năng đề nghị trung cầu giám định

Hỗ trợ bàn giao hồ sơ, mẫu vật, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân cho cơ quan giám định tư pháp
Thực hiện các nội dung phối hợp theo yêu cầu của đơn vị giám định
Thực hiện các thủ tục thanh toán kinh phí theo quy định
Hoàn thiện hồ sơ, cập nhật thông tin và lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

### 3. Dịch vụ hỗ trợ hoà nhập cộng đồng

#### 3.1. Dịch vụ bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân cho gia đình tại Trung tâm

<b><i>Bước 1: Quyết định dừng trợ giúp xã hội cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
Họp hội đồng xét duyệt dừng trợ giúp
Gửi Quyết định tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thường trú về việc bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về địa phương
Ra Quyết định dừng trợ giúp xã hội cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân
Báo cáo giảm trợ cấp hàng tháng cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định.
<b><i>Bước 2: Thông tin liên hệ địa phương, thân nhân, gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
Liên hệ, thông tin đến địa phương, gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân để phối hợp giải quyết, hướng dẫn gia đình các thủ tục tiếp nhận người thân.
<b><i>Bước 3: Xây dựng kế hoạch bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân ra theo thời hạn quản lý, hoàn thiện phiếu đề xuất bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</i></b>
Xây dựng kế hoạch bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo thời hạn; kiểm tra sức khỏe; chuẩn bị hồ sơ (biên bản bàn giao, bản cam kết, đơn xin dừng trợ giúp...), tư trang, tài sản ký gửi, thanh toán tiền công lao động trị liệu cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (nếu có).
Lập phiếu đề xuất bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân
<b><i>Bước 4: Bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân cho thân nhân, gia đình</i></b>

Kiểm tra thông tin hồ sơ, hướng dẫn thân nhân, gia đình hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tại Trung tâm.

Lập biên bản bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, bàn giao tiền tài sản, vật chất của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đã lưu ký gửi tại Trung tâm.

***Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ giải quyết, lưu trữ***

Hoàn thiện hồ sơ, cập nhật thông tin giải quyết, lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

**3.2. Dịch vụ hỗ trợ đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về địa phương**

***Bước 1: Quyết định dừng trợ giúp xã hội cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Họp hội đồng xét duyệt dừng trợ giúp

Gửi Quyết định tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thường trú về việc bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về địa phương

Ra Quyết định dừng trợ giúp xã hội cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

Báo cáo giảm trợ cấp hàng tháng cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định.

***Bước 2: Thông tin liên hệ địa phương, thân nhân, gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Liên hệ thông báo đến địa phương, gia đình người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thời gian Trung tâm đưa họ về địa phương, đề nghị gia đình, địa phương tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân ...

***Bước 3: Xây dựng kế hoạch bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân ra theo thời hạn quản lý, hoàn thiện phiếu đề xuất bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Xây dựng kế hoạch giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo thời hạn; rà soát, lập danh sách báo cáo Sở Y tế về việc hỗ trợ đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về địa phương. Lập phiếu đề xuất giải quyết người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

Kiểm tra sức khỏe, hoàn thiện các thủ tục, chuẩn bị hồ sơ, tài sản ký gửi của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, thanh toán tiền công lao động trị liệu cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (nếu có).

***Bước 4: Đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về bàn giao cho gia đình, địa phương***

Phân công tổ công tác, chuẩn bị điều kiện, phương tiện đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về địa phương (phương tiện ô tô).

Lập biên bản bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, bàn giao tiền, tài sản, đồ dùng mang theo của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (nếu có) cho gia đình, địa phương.

***Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ giải quyết, lưu trữ***

Hoàn thiện hồ sơ, cập nhật thông tin giải quyết, lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

**3.3. Dịch vụ hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tự về gia đình, cộng đồng*****Bước 1: Quyết định dừng trợ giúp xã hội cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Họp hội đồng xét duyệt dừng trợ giúp

Gửi Quyết định tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thường trú về việc bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về địa phương

Ra Quyết định dừng trợ giúp xã hội cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

Báo cáo giảm trợ cấp hàng tháng cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định.

***Bước 2: Xác định người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thuộc diện hỗ trợ tự về gia đình, cộng đồng***

Rà soát, lập danh sách, phiếu đề xuất người đang trong quá trình xác định là nạn nhân cần thực hiện hỗ trợ tự về gia đình, cộng đồng báo cáo lãnh đạo đơn vị phê duyệt.

***Bước 3: Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị hồ sơ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tự về gia đình, cộng đồng***

Xây dựng kế hoạch bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo thời hạn; kiểm tra sức khỏe; bàn giao, tư trang, tài sản ký gửi của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, thanh toán tiền công lao động trị liệu cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (nếu có).

Chuẩn bị hồ sơ, hướng dẫn người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thực hiện các thủ tục hồ sơ (bản cam kết, đơn xin dừng trợ giúp, đơn đề nghị...)

***Bước 4: Hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tự về hoặc đưa họ ra bến tàu, bến xe để tự về gia đình, địa phương***

Liên hệ nhà ga, nhà xe xác định thời gian, thông tin kinh phí mua vé tàu, vé xe để người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tự về gia đình, cộng đồng

Phân công tổ công tác, chuẩn bị điều kiện, phương tiện đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân ra bến tàu, bến xe (*phương tiện là ô tô*)

Bàn giao tiền, tài sản, đồ dùng mang theo cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân. Mua vé tàu, vé xe để họ tự về gia đình, cộng đồng

***Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ giải quyết, lưu trữ***

Thực hiện thanh toán kinh phí mua vé tàu, vé xe theo quy định.

Hoàn thiện hồ sơ, cập nhật thông tin giải quyết, lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

**3.4. Dịch vụ chuyển người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đến các cơ quan, đơn vị khác*****Bước 1: Quyết định dừng trợ giúp xã hội cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Họp hội đồng xét duyệt dừng trợ giúp

Gửi Quyết định tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thường trú về việc bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về địa phương

Ra Quyết định dừng trợ giúp xã hội cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

Báo cáo giảm trợ cấp hàng tháng cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân theo quy định.

***Bước 2: Xác định người đang trong quá trình xác định là nạn nhân thuộc diện chuyển cơ quan, đơn vị khác báo cáo Sở Y tế***

Rà soát hoàn thiện tờ trình, danh sách báo cáo Sở Y tế ra Quyết định chuyển người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đến các cơ quan, đơn vị khác.

***Bước 3: Hoàn thiện thủ tục hồ sơ chuyển người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Xây dựng, liên hệ, thông báo kế hoạch chuyển người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của Trung tâm đến cơ quan đơn vị nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân

Hoàn thiện các văn bản hồ sơ chuyển người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (Quyết định chuyển, biên bản bàn giao, thông báo trả tài sản...); kiểm tra sức khoẻ; chuẩn bị tài sản ký gửi, đồ dùng mang theo của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, thanh toán tiền công lao động trị liệu cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (nếu có).

***Bước 4: Chuyển, bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân***

Phân công tổ công tác, chuẩn bị điều kiện, phương tiện chuyển người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đến các cơ quan, đơn vị khác (phương tiện ô tô).

Lập biên bản bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, tiền, tài sản, đồ dùng mang theo của họ (nếu có) cho đơn vị nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

***Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ giải quyết, lưu trữ***

Hoàn thiện hồ sơ, cập nhật thông tin giải quyết, lưu trữ hồ sơ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.

### III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

#### 3.1. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Thời gian lao động trực tiếp				Thời gian lao động quản lý			
			Lãnh đạo cấp Trung tâm	Lãnh đạo cấp phòng	Cán bộ chuyên môn nghiệp vụ	Cán bộ Hỗ trợ phục vụ	Lãnh đạo cấp	Lãnh đạo cấp phòng	Cán bộ chuyên môn nghiệp vụ	Cán bộ Hỗ trợ phục vụ
<b>1</b>	<b>Dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp</b>									
<b>1.1</b>	<b>Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tại cộng đồng</b>									
1.1.1	Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm	Giờ/người	0,466	1,087	3,155	0,611	0,714	0,313	0,525	0,129
1.1.2	Kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tới cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp	Giờ/người	0,264	0,621	1,972	0,413	0,406	0,179	0,328	0,087
<b>1.2</b>	<b>Tiếp nhận tại Trung tâm</b>									
1.2.1	Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ xã, phường, đến bàn giao tại Trung tâm	Giờ/người	0,166	1,615	1,783	0,892	0,254	0,465	0,297	0,188
1.2.2	Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ	Giờ/người	0,197	1,032	1,998	1,304	0,303	0,298	0,332	0,276
<b>2</b>	<b>Dịch vụ hỗ trợ phục hồi</b>									
<b>2.1</b>	<b>Dịch vụ tư vấn tâm lý, pháp lý</b>									
2.1.1	Dịch vụ tư vấn tâm lý	Giờ/người	0,059	0,116	0,506	0,487	0,091	0,034	0,084	0,103
2.1.2	Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý	Giờ/người	0,181	0,536	1,826	1,024	0,279	0,154	0,304	0,216
2.2	Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu	Giờ/người	0,170	0,606	2,864	1,816	0,260	0,174	0,476	0,384
<b>2.3</b>	<b>Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</b>									

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Thời gian lao động trực tiếp				Thời gian lao động quản lý			
			Lãnh đạo cấp Trung tâm	Lãnh đạo cấp phòng	Cán bộ chuyên môn nghiệp vụ	Cán bộ Hỗ trợ phục vụ	Lãnh đạo cấp	Lãnh đạo cấp phòng	Cán bộ chuyên môn nghiệp vụ	Cán bộ Hỗ trợ phục vụ
2.3.1	Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)	Giờ/người/ngày	0,025	0,070	0,338	0,491	0,039	0,020	0,056	0,104
2.3.2	Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)	Giờ/người/ngày	0,020	0,054	0,254	0,383	0,031	0,016	0,042	0,081
2.3.3	Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân có khả năng tự phục vụ sinh hoạt cá nhân hàng ngày	Giờ/người/ngày	0,002	0,010	0,126	0,117	0,003	0,003	0,021	0,025
<b>2.4</b>	<b>Dịch vụ y tế</b>									
2.4.1	Dịch vụ chăm sóc y tế, phục hồi chức năng	Giờ/người/ngày	0,276	0,838	7,339	2,221	0,424	0,242	1,221	0,469
2.4.2	Dịch vụ quản lý, chăm sóc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân khám, điều trị tại bệnh viện	Giờ/người/lượt	0,020	0,054	1,878	0,124	0,030	0,016	0,312	0,026
2.5	<b>Dịch vụ tổ chức các hoạt động tập thể cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</b>	Giờ/hoạt động	0,454	0,831	3,953	0,636	0,696	0,239	0,657	0,134
<b>2.6</b>	<b>Dịch vụ tiếp thân nhân người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</b>									
2.6.1	Thăm gặp gia đình tại đơn vị	Giờ/lượt	0,020	0,078	0,197	0,157	0,030	0,022	0,033	0,033
2.6.2	Thăm gặp gia đình qua điện thoại, zalo	Giờ/lượt	0,008	0,031	0,094	0,083	0,012	0,009	0,016	0,017
2.6.3	Dịch vụ tiếp nhận quà, đồ dùng của người đang trong quá trình xác định là nạn nhân	Giờ/lượt	0,008	0,031	0,077	0,074	0,012	0,009	0,013	0,016
2.7	<b>2.7. Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài, không biết tiếng phổ thông và các trường hợp khuyết tật đặc biệt khác</b>	Giờ/cuộc	0,426	1,296	3,284	0,826	0,654	0,374	0,546	0,175
2.8	<b>Dịch vụ tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/di lạc</b>									

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Thời gian lao động trực tiếp				Thời gian lao động quản lý			
			Lãnh đạo cấp Trung tâm	Lãnh đạo cấp phòng	Cán bộ chuyên môn nghiệp vụ	Cán bộ Hỗ trợ phục vụ	Lãnh đạo cấp	Lãnh đạo cấp phòng	Cán bộ chuyên môn nghiệp vụ	Cán bộ Hỗ trợ phục vụ
2.8.1	Dịch vụ tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc - Trường hợp tìm được hoặc người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tự trở về cơ sở	Giờ/người	0,012	0,776	6,002	0,025	0,018	0,224	0,998	0,005
2.8.2	Dịch vụ tìm kiếm người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bỏ trốn/đi lạc - Trường hợp không tìm được	Giờ/người	0,083	0,140	0,797	0,157	0,127	0,040	0,133	0,033
<b>2.9</b>	<b>Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân</b>									
2.9.1	Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại bệnh viện có thân nhân	Giờ/người	0,635	1,770	3,901	3,186	0,975	0,510	0,649	0,674
2.9.2	Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại bệnh viện không có thân nhân	Giờ/người	0,734	2,546	5,899	5,556	1,126	0,734	0,981	1,174
2.9.3	Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại Trung tâm có thân nhân	Giờ/người	0,761	2,220	4,853	3,624	1,169	0,640	0,807	0,766
2.9.4	Dịch vụ tang lễ cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tử vong tại Trung tâm không có thân nhân	Giờ/người	1,053	3,043	7,099	7,512	1,617	0,877	1,181	1,588
2.10	Thờ cúng (trường hợp không có thân nhân)	Giờ/lượt	0,016	0,062	0,146	0,124	0,024	0,018	0,024	0,026
2.11	<b>Hỗ trợ giám định tư pháp</b>	Giờ/người	0,391	0,854	2,221	2,320	0,599	0,246	0,369	0,490
<b>3</b>	<b>Dịch vụ hỗ trợ hòa nhập cộng đồng</b>									
3.1	Dịch vụ bàn giao người đang trong quá trình xác định là nạn nhân cho gia đình tại Trung tâm	Giờ/người	0,020	0,054	0,137	0,116	0,030	0,016	0,023	0,024
3.2	Dịch vụ hỗ trợ đưa người đang trong quá trình xác định là nạn nhân về địa phương	Giờ/người	0,327	0,776	5,290	4,268	0,503	0,224	0,880	0,902
3.3	Dịch vụ hỗ trợ người đang trong quá trình xác định là nạn nhân tự về gia đình, cộng đồng	Giờ/người	0,197	0,714	3,001	2,336	0,303	0,206	0,499	0,494
3.4	Dịch vụ chuyển người đang trong quá trình xác định là nạn nhân đến các cơ quan, đơn vị khác	Giờ/người	0,158	0,567	2,512	1,758	0,242	0,163	0,418	0,372

### 3.2. ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG VẬT TƯ

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm			1.1.2. Kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tới cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp			1.2.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ xã, phường đến bàn giao tại Trung tâm		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
1	Ấm siêu tốc	Chiếc	0,00020	0,00020	-	-	-	-	-	-	-
2	Ấm trà	Chiếc	0,02143	0,02143	-	-	-	-	-	-	-
3	Ảnh bác	Chiếc	0,00212	-	0,00212	0,00063	-	0,00063	0,00065	-	0,00065
4	Ảnh hồ sơ	Tấm	0,37100	0,37100	-	-	-	-	-	-	-
5	Attomat	Chiếc	0,04310	0,03500	0,00810	0,02152	0,01748	0,00404	0,02214	0,01798	0,00416
6	Bàn phím máy vi tính	Chiếc	0,02598	0,02109	0,00488	0,01179	0,00957	0,00221	0,01271	0,01032	0,00239
7	Bảng công khai tài chính	Chiếc	0,00131	-	0,00131	0,00063	-	0,00063	0,00065	-	0,00065
8	Băng dính dán gáy 3.5 cm	Cuộn	0,07376	0,05990	0,01386	0,03587	0,02913	0,00674	0,03691	0,02997	0,00693
9	Băng dính dán gáy 5 cm	Cuộn	0,07220	0,05863	0,01357	0,03331	0,02705	0,00626	0,03486	0,02831	0,00655
10	Băng dính đen	Cuộn	0,05869	0,04766	0,01103	0,02818	0,02289	0,00530	0,03075	0,02498	0,00578
11	Băng dính hai mặt 1cm	Cuộn	0,04282	0,03478	0,00805	0,01896	0,01540	0,00356	0,02009	0,01632	0,00378
12	Băng dính hai mặt 2.5 cm	Cuộn	0,05796	0,04707	0,01089	0,02818	0,02289	0,00530	0,03075	0,02498	0,00578
13	Băng dính hai mặt 5 cm	Cuộn	0,04041	0,03281	0,00759	0,01896	0,01540	0,00356	0,02009	0,01632	0,00378
14	Băng dính trong nhỏ	Cuộn	0,04326	0,03513	0,00813	0,02152	0,01748	0,00404	0,02214	0,01798	0,00416
15	Băng dính trong to	Cuộn	0,09429	0,07657	0,01772	0,04407	0,03579	0,00828	0,05003	0,04063	0,00940
16	Băng lịch công tác	Chiếc	0,02035	0,01653	0,00382	0,01076	0,00874	0,00202	0,01107	0,00899	0,00208
17	Băng nội quy	Chiếc	0,01758	0,01428	0,00330	0,00615	0,00499	0,00116	0,00574	0,00466	0,00108
18	Băng rôn, pa nô, khẩu hiệu	m2	0,32048	0,26026	0,06022	0,20247	0,16442	0,03804	0,17018	0,13820	0,03198
19	Băng tan	Cuộn	-	-	-	0,02289	0,02289	-	0,02498	0,02498	-
20	Băng tin	Chiếc	0,00605	0,00491	0,00114	0,00282	0,00229	0,00053	0,00308	0,00250	0,00058
21	Băng xóa	Chiếc	0,06752	0,05483	0,01269	0,03331	0,02705	0,00626	0,03486	0,02831	0,00655

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm			1.1.2. Kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tới cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp			1.2.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ xã, phường đến bàn giao tại Trung tâm		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
22	Biển cài	Chiếc	0,04321	0,03509	0,00812	0,02179	0,01769	0,00409	0,01743	0,01415	0,00327
23	Biển chỉ dẫn	m2	0,01274	0,01034	0,00239	0,00743	0,00604	0,00140	0,00677	0,00549	0,00127
24	Biển chức danh	Chiếc	0,00659	0,00535	0,00124	0,00215	0,00175	0,00040	0,00221	0,00180	0,00042
25	Biển tên phòng	Chiếc	0,03000	0,02436	0,00564	0,01435	0,01165	0,00270	0,01476	0,01199	0,00277
26	Bình giữ nhiệt 0.8 lít	Chiếc	-	-	-	0,01165	0,01165	-	0,01199	0,01199	-
27	Bình giữ nhiệt 1,5 lít	Chiếc	-	-	-	0,00978	0,00978	-	0,00982	0,00982	-
28	Bình giữ nhiệt 3 lít	Chiếc	-	-	-	0,00583	0,00583	-	0,00599	0,00599	-
29	Bộ cây lau nhà	Bộ	-	-	-	0,00791	0,00791	-	0,00766	0,00766	-
30	Bộ kit test nhanh	Bộ	0,00024	0,00024	-	-	-	-	-	-	-
31	Bộ phát wifi	Chiếc	0,01290	0,01047	0,00242	0,00579	0,00470	0,00109	0,00578	0,00470	0,00109
32	Bóng đèn cao áp	Chiếc	0,00257	0,00257	-	0,01353	0,01353	-	0,01415	0,01415	-
33	Bóng đèn LED	Chiếc	0,12389	0,10061	0,02328	0,05380	0,04369	0,01011	0,05946	0,04829	0,01117
34	Bóng đèn tuýp	Chiếc	0,07514	0,06102	0,01412	0,03587	0,02913	0,00674	0,03691	0,02997	0,00693
35	Bút bi	Chiếc	0,66410	0,53932	0,12479	0,35367	0,28722	0,06646	0,29935	0,24311	0,05625
36	Bút chì	Chiếc	0,09486	0,07704	0,01782	0,03997	0,03246	0,00751	0,04347	0,03530	0,00817
37	Bút ký	Chiếc	0,05377	0,04366	0,01010	0,02173	0,01764	0,00408	0,02329	0,01892	0,00438
38	Bút nhớ dòng	Chiếc	0,06500	0,05279	0,01221	0,02127	0,01727	0,00400	0,02276	0,01848	0,00428
39	Bút nước	Chiếc	0,09312	0,07562	0,01750	0,04766	0,03870	0,00895	0,04962	0,04029	0,00932
40	Bút viết bảng	Chiếc	0,17456	0,14176	0,03280	0,27936	0,22686	0,05249	0,23169	0,18816	0,04354
41	Các loại Tê nói ống	Chiếc	0,00159	0,00159	-	-	-	-	-	-	-
42	Cặp 3 dây	Chiếc	0,08899	0,08899	-	-	-	-	-	-	-
43	Cáp chuyển đổi DHMI-USB	Chiếc	0,00523	0,00425	0,00098	0,00231	0,00187	0,00043	0,00267	0,00216	0,00050
44	Cặp đục lỗ	Chiếc	0,03139	0,02549	0,00590	0,01435	0,01165	0,00270	0,01476	0,01199	0,00277

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm			1.1.2. Kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tới cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp			1.2.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ xã, phường đến bàn giao tại Trung tâm		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
45	Card màn hình máy tính	Chiếc	0,02845	0,02310	0,00535	0,01435	0,01165	0,00270	0,01476	0,01199	0,00277
46	Cartridge mực	Chiếc	0,02819	0,02289	0,00530	0,01435	0,01165	0,00270	0,01476	0,01199	0,00277
47	Câu liềm chữa cháy	Chiếc	0,00735	0,00597	0,00138	0,00359	0,00291	0,00067	0,00369	0,00300	0,00069
48	Cây lau nhà	Chiếc	0,00062	0,00062	-	-	-	-	-	-	-
49	Chân giắc micro	Chiếc	0,02316	0,01881	0,00435	0,01204	0,00978	0,00226	0,01210	0,00982	0,00227
50	Chân kẹp ác quy	Chiếc	0,39597	0,32157	0,07440	0,00256	0,00208	0,00048	0,00205	0,00167	0,00039
51	Chậu cánh	Chiếc	0,00057	0,00057	-	0,01353	0,01353	-	0,01415	0,01415	-
52	Chè khô	Kg	0,03194	0,02594	0,00600	0,01476	0,01199	0,00277	0,01378	0,01119	0,00259
53	Chéch nối ống	Chiếc	0,00169	0,00169	-	-	-	-	-	-	-
54	Chén trà	Chiếc	0,15118	0,12277	0,02841	0,08354	0,06784	0,01570	0,07832	0,06361	0,01472
55	Chổi tre	Chiếc	0,00053	0,00053	-	-	-	-	-	-	-
56	Chuột máy tính	Chiếc	0,04464	0,03625	0,00839	0,02265	0,01839	0,00426	0,02436	0,01978	0,00458
57	Cờ Tổ quốc, và các loại cờ khác	Chiếc	0,01901	0,01544	0,00357	0,00605	0,00491	0,00114	0,00681	0,00553	0,00128
58	Cốc uống nước	Chiếc	0,14211	0,11541	0,02670	0,07432	0,06035	0,01396	0,06766	0,05495	0,01271
59	Công kết nối USB	Chiếc	0,01900	0,01543	0,00357	0,00948	0,00770	0,00178	0,01005	0,00816	0,00189
60	Cục tẩy	Cục	0,03489	0,02834	0,00656	0,01640	0,01332	0,00308	0,01804	0,01465	0,00339
61	Cước điện thoại	VND	6.494,08851	5.273,84928	1.220,23923	3.294,02598	2.675,07850	618,94748	3.807,90761	3.092,40177	715,50584
62	Cước phí bưu chính	VND	930,02883	755,27641	174,75242	471,74261	383,10217	88,64044	545,33640	442,86769	102,46871
63	Dao đọc giấy	Chiếc	0,03624	0,02943	0,00681	0,01768	0,01436	0,00332	0,01907	0,01549	0,00358
64	Dập ghim cỡ đại	Chiếc	0,00891	0,00724	0,00167	0,00405	0,00329	0,00076	0,00422	0,00343	0,00079
65	Dập ghim cỡ nhỏ	Chiếc	0,05205	0,04227	0,00978	0,02613	0,02122	0,00491	0,02747	0,02231	0,00516
66	Dập ghim cỡ trung	Chiếc	0,00915	0,00743	0,00172	0,00405	0,00329	0,00076	0,00422	0,00343	0,00079
67	Dấu chức danh	Chiếc	0,00872	0,00708	0,00164	0,00456	0,00370	0,00086	0,00463	0,00376	0,00087
68	Dấu dập số	Chiếc	0,00272	0,00221	0,00051	0,00143	0,00117	0,00027	0,00148	0,00120	0,00028

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm			1.1.2. Kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tới cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp			1.2.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ xã, phường đến bàn giao tại Trung tâm		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
69	Dầu diezen	lít	-	-	-	2,36720	2,36720	-	2,59155	2,59155	-
70	Dầu nhớt	Lít	-	-	-	0,01582	0,01582	-	0,01532	0,01532	-
71	Đầu nối ren	Chiếc	0,00024	0,00024	-	-	-	-	-	-	-
72	Dầu sao y	Chiếc	0,00331	0,00269	0,00062	0,00118	0,00096	0,00022	0,00127	0,00103	0,00024
73	Dầu tròn tên đơn vị	Chiếc	0,00472	0,00383	0,00089	0,00266	0,00216	0,00050	0,00262	0,00213	0,00049
74	Dây mạng	m	2,37142	1,92583	0,44559	1,05042	0,85305	0,19737	1,16867	0,94908	0,21959
75	Điện	Kw	82,92601	67,34421	15,58180	35,18021	28,56985	6,61036	32,37260	26,28979	6,08281
76	Đui đèn	Chiếc	0,07669	0,06228	0,01441	0,03331	0,02705	0,00626	0,03486	0,02831	0,00655
77	File trình ký	Chiếc	1,21760	0,98881	0,22879	0,01435	0,01165	0,00270	0,01476	0,01199	0,00277
78	Gen máng điện	Cây	0,00152	0,00152	-	-	-	-	-	-	-
79	Ghim dập cỡ đại	Hộp	0,03603	0,02926	0,00677	0,01896	0,01540	0,00356	0,02009	0,01632	0,00378
80	Ghim dập cỡ nhỏ	Hộp	0,08919	0,07243	0,01676	0,04509	0,03662	0,00847	0,04757	0,03863	0,00894
81	Ghim dập cỡ trung	Hộp	0,04480	0,03638	0,00842	0,02409	0,01956	0,00453	0,02419	0,01965	0,00455
82	Ghim vòng/ghim cài	Hộp	0,11968	0,09719	0,02249	0,06252	0,05077	0,01175	0,06315	0,05128	0,01187
83	Giắc cắm loa	Chiếc	0,01794	0,01457	0,00337	0,00820	0,00666	0,00154	0,00902	0,00733	0,00170
84	Giấy ăn	Hộp	0,00062	0,00062	-	0,04037	0,04037	-	0,04296	0,04296	-
85	Giấy bìa A3	Gram	0,00120	0,00120	-	-	-	-	-	-	-
86	Giấy bìa A4	Gram	0,01016	0,00825	0,00191	0,00441	0,00358	0,00083	0,00418	0,00340	0,00079
87	Giấy in A3	Gram	0,00920	0,00747	0,00173	0,00313	0,00254	0,00059	0,00316	0,00256	0,00059
88	Giấy in A4	Gram	0,17765	0,14427	0,03338	0,09086	0,07379	0,01707	0,08862	0,07196	0,01665

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm			1.1.2. Kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tới cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp			1.2.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ xã, phường đến bàn giao tại Trung tâm		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
89	Giấy in A5	Gram	0,00539	0,00438	0,00101	0,00256	0,00208	0,00048	0,00205	0,00167	0,00039
90	Giấy nhó (30x30)	Tập	0,10802	0,08772	0,02030	0,04971	0,04037	0,00934	0,05290	0,04296	0,00994
91	Giấy nhó (30x50)	Tập	0,10631	0,08633	0,01998	0,04971	0,04037	0,00934	0,05290	0,04296	0,00994
92	Giấy phân trang	Tập	0,09488	0,07705	0,01783	0,04971	0,04037	0,00934	0,05290	0,04296	0,00994
93	Giấy than xanh	Tập	0,00984	0,00799	0,00185	0,00487	0,00395	0,00091	0,00554	0,00450	0,00104
94	Góc nối ống	Chiếc	0,00091	0,00091	-	-	-	-	-	-	-
95	Gọt bút chì	Chiếc	0,05480	0,04450	0,01030	0,02562	0,02081	0,00481	0,02870	0,02331	0,00539
96	Hạt công tắc	Chiếc	0,08143	0,06613	0,01530	0,03587	0,02913	0,00674	0,03691	0,02997	0,00693
97	Hồ dán	Lọ	0,07751	0,06294	0,01456	0,03382	0,02747	0,00636	0,03527	0,02864	0,00663
98	Hóa chất diệt khuẩn	kg	0,00004	0,00004	-	-	-	-	-	-	-
99	Hộp để mạng tổng	Chiếc	0,00222	0,00180	0,00042	0,00051	0,00042	0,00010	0,00041	0,00033	0,00008
100	Hộp đựng hồ sơ	Hộp	0,02079	0,01688	0,00391	0,00769	0,00624	0,00144	0,00615	0,00500	0,00116
101	Hộp file tài liệu 15cm	Hộp	0,03076	0,02498	0,00578	0,01435	0,01165	0,00270	0,01476	0,01199	0,00277
102	Hộp file tài liệu 25cm	Hộp	0,03166	0,02571	0,00595	0,01435	0,01165	0,00270	0,01476	0,01199	0,00277
103	Hộp file tài liệu 30cm	Hộp	0,03014	0,02448	0,00566	0,01435	0,01165	0,00270	0,01476	0,01199	0,00277
104	Hộp số quạt trần	Chiếc	-	-	-	0,02913	0,02913	-	0,02997	0,02997	-
105	Hót rác	Chiếc	0,00153	0,00153	-	-	-	-	-	-	-
106	Keo dán	Lọ	0,04238	0,03442	0,00796	0,02152	0,01748	0,00404	0,02214	0,01798	0,00416

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm			1.1.2. Kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tới cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp			1.2.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ xã, phường đến bàn giao tại Trung tâm		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
107	Keo PVC	Lọ	-	-	-	0,01165	0,01165	-	0,01199	0,01199	-
108	Keo silicon	Lọ	0,00075	0,00075	-	0,00957	0,00957	-	0,01032	0,01032	-
109	Kéo văn phòng	Chiếc	0,06805	0,05527	0,01279	0,03075	0,02497	0,00578	0,03280	0,02664	0,00616
110	Kẹp bướm 10mm	Hộp	0,26416	0,21453	0,04964	0,11067	0,08988	0,02080	0,12794	0,10390	0,02404
111	Kẹp bướm 15mm	Hộp	0,26852	0,21806	0,05045	0,12349	0,10028	0,02320	0,13819	0,11222	0,02597
112	Kẹp bướm 19mm	Hộp	0,26734	0,21711	0,05023	0,12349	0,10028	0,02320	0,13819	0,11222	0,02597
113	Kẹp bướm 25mm	Hộp	0,26721	0,21701	0,05021	0,12349	0,10028	0,02320	0,13819	0,11222	0,02597
114	Kẹp bướm 32mm	Hộp	0,26715	0,21695	0,05020	0,12349	0,10028	0,02320	0,13819	0,11222	0,02597
115	Kẹp bướm 41mm	Hộp	0,26647	0,21640	0,05007	0,12349	0,10028	0,02320	0,13819	0,11222	0,02597
116	Kẹp bướm 51mm	Hộp	0,27947	0,22696	0,05251	0,13630	0,11069	0,02561	0,14844	0,12055	0,02789
117	Khăn trải bàn	Chiếc	0,00400	0,00400	-	0,00957	0,00957	-	0,01032	0,01032	-
118	Khẩu trang vải	Chiếc	0,19069	0,19069	-	-	-	-	-	-	-
119	Khay đựng bút văn phòng	Chiếc	0,02511	0,02039	0,00472	0,01179	0,00957	0,00221	0,01271	0,01032	0,00239
120	Khay đựng tài liệu	Chiếc	0,05622	0,04566	0,01056	0,02562	0,02081	0,00481	0,02870	0,02331	0,00539
121	Khóa cửa	Chiếc	-	-	-	0,02289	0,02289	-	0,02498	0,02498	-
122	Kính chống giọt bắn	Chiếc	0,00062	0,00062	-	-	-	-	-	-	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm			1.1.2. Kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tới cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp			1.2.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ xã, phường đến bàn giao tại Trung tâm		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
123	Lịch	Quyển	0,02564	0,02082	0,00482	0,01204	0,00978	0,00226	0,01210	0,00982	0,00227
124	Lọ hoa	Chiếc	-	-	-	0,00479	0,00479	-	0,00516	0,00516	-
125	Mãng xông điện nước	Chiếc	0,00040	0,00040	-	0,02164	0,02164	-	0,02131	0,02131	-
126	Mặt băng điện	Chiếc	0,05661	0,05661	-	-	-	-	-	-	-
127	Mắt camera	Chiếc	0,02180	0,02180	-	-	-	-	-	-	-
128	Mặt công tắc	Chiếc	0,04203	0,03413	0,00790	0,01896	0,01540	0,00356	0,02009	0,01632	0,00378
129	Máy tính cá nhân	chiếc	0,00490	-	0,00490	0,00246	-	0,00246	0,00258	-	0,00258
130	Móc quạt trần	Chiếc	0,00006	0,00006	-	-	-	-	-	-	-
131	Mực dấu	Lọ	0,00941	0,00764	0,00177	0,00282	0,00229	0,00053	0,00308	0,00250	0,00058
132	Mực in	Hộp	0,09321	0,07570	0,01751	0,05505	0,04470	0,01034	0,04995	0,04056	0,00938
133	Mực máy photocopy	Hộp	0,00684	0,00555	0,00129	0,00282	0,00229	0,00053	0,00308	0,00250	0,00058
134	Nước uống	lít	4,65933	4,65933	-	-	-	-	-	-	-
135	Phần mềm diệt virus máy vi tính	Chiếc	0,02246	0,01824	0,00422	0,01076	0,00874	0,00202	0,01107	0,00899	0,00208
136	Phao tự động	Chiếc	0,00028	0,00028	-	-	-	-	-	-	-
137	Phí internet	VND	10.779,42243	8.753,96896	2.025,45347	5.467,69510	4.440,31519	1.027,37991	6.320,67806	5.133,02265	1.187,65541
138	Phích cắm	Chiếc	0,04927	0,04927	-	-	-	-	-	-	-
139	Phích giữ nhiệt	Chiếc	0,04802	0,04802	-	-	-	-	-	-	-
140	Phong bì xanh đỏ	Tập	0,11641	-	0,11641	0,05856	-	0,05856	0,05055	-	0,05055
141	Rơ le tự động máy tăng áp	Chiếc	0,00155	0,00155	-	-	-	-	-	-	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.1.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tại cộng đồng và đưa vào Trung tâm			1.1.2. Kết nối người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán tới cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp			1.2.1. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ xã, phường đến bàn giao tại Trung tâm		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
142	Sổ các loại	Quyển	0,06988	0,05675	0,01313	0,03587	0,02913	0,00674	0,03691	0,02997	0,00693
143	Súng bắn keo	Chiếc	0,00015	0,00015	-	-	-	-	-	-	-
144	Switch mạng máy vi tính	Chiếc	0,01207	0,00980	0,00227	0,00589	0,00479	0,00111	0,00636	0,00516	0,00119
145	Thảm lau chân	Chiếc	0,00309	0,00309	-	-	-	-	-	-	-
146	Thẻ nhân viên	Chiếc	0,12080	0,09810	0,02270	0,06022	0,04890	0,01131	0,06048	0,04912	0,01137
147	Thuốc kê	Chiếc	0,04861	0,04861	-	-	-	-	-	-	-
148	Tủ quạt	Chiếc	0,00396	0,00396	-	-	-	-	-	-	-
149	Túi clear bag A4	Chiếc	0,94482	0,76729	0,17753	0,48687	0,39538	0,09148	0,47158	0,38297	0,08861
150	Túi clear bag F	Chiếc	0,94241	0,76533	0,17708	0,48687	0,39538	0,09148	0,47158	0,38297	0,08861
151	USB thu wifi	Chiếc	0,00844	0,00686	0,00159	0,00359	0,00291	0,00067	0,00369	0,00300	0,00069
152	Vò bình đựng nước uống 20 lít	Chiếc	0,00155	0,00155	-	-	-	-	-	-	-
153	Vò hồ sơ	Chiếc	0,29912	0,24292	0,05621	0,10504	0,08530	0,01974	0,11687	0,09491	0,02196
154	Xăng	lít	3,43257	2,78759	0,64498	1,81296	1,47230	0,34065	1,86768	1,51674	0,35094

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
1	Ấm siêu tốc	Chiếc	-	-	-	0,000013	0,00001	-	0,00004	0,00004	-
2	Ấm trà	Chiếc	-	-	-	0,000055	0,00005	-	0,00339	0,00339	-
3	Ảnh bác	Chiếc	0,00024	-	0,00024	0,000105	-	0,00010	0,00035	-	0,00035
4	Ảnh hồ sơ	Tấm	-	-	-	0,001025	0,00103	-	0,07665	0,07665	-
5	Attomat	Chiếc	0,00774	0,00629	0,00145	0,000122	0,00010	0,00002	0,00628	0,00510	0,00118
6	Bàn phím máy vi tính	Chiếc	0,00514	0,00417	0,00097	0,000043	0,00003	0,00001	0,00306	0,00248	0,00057
7	Bảng công khai tài chính	Chiếc	0,00024	-	0,00024	0,000063	-	0,00006	0,00015	-	0,00015
8	Băng dính dán giấy 3.5 cm	Cuộn	0,01290	0,01048	0,00242	0,000169	0,00014	0,00003	0,00943	0,00766	0,00177
9	Băng dính dán giấy 5 cm	Cuộn	0,01288	0,01046	0,00242	0,000182	0,00015	0,00003	0,00863	0,00701	0,00162
10	Băng dính đen	Cuộn	0,01283	0,01042	0,00241	0,000156	0,00013	0,00003	0,00616	0,00500	0,00116
11	Băng dính hai mặt 1cm	Cuộn	0,00772	0,00627	0,00145	0,000127	0,00010	0,00002	0,00478	0,00388	0,00090
12	Băng dính hai mặt 2.5 cm	Cuộn	0,01283	0,01042	0,00241	0,000138	0,00011	0,00003	0,00517	0,00420	0,00097
13	Băng dính hai mặt 5 cm	Cuộn	0,00772	0,00627	0,00145	0,000133	0,00011	0,00003	0,00497	0,00404	0,00093
14	Băng dính trong nhỏ	Cuộn	0,00774	0,00629	0,00145	0,000116	0,00009	0,00002	0,00535	0,00434	0,00101
15	Băng dính trong to	Cuộn	0,02303	0,01870	0,00433	0,000086	0,00007	0,00002	0,00582	0,00473	0,00109
16	Băng lịch công tác	Chiếc	0,00387	0,00314	0,00073	0,000036	0,00003	0,00001	0,00285	0,00232	0,00054
17	Băng nội quy	Chiếc	0,00131	0,00107	0,00025	0,000142	0,00012	0,00003	0,00396	0,00321	0,00074

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
18	Băng rôn, pa nô, khẩu hiệu	m2	0,01448	0,01176	0,00272	0,001447	0,00118	0,00027	0,10309	0,08372	0,01937
19	Băng tan	Cuộn	0,01042	0,01042	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
20	Băng tin	Chiếc	0,00128	0,00104	0,00024	0,000021	0,00002	0,00000	0,00055	0,00045	0,00010
21	Băng xóa	Chiếc	0,01288	0,01046	0,00242	0,000171	0,00014	0,00003	0,00801	0,00650	0,00150
22	Biển cài	Chiếc	0,00021	0,00017	0,00004	0,000182	0,00015	0,00003	0,00902	0,00732	0,00169
23	Biển chỉ dẫn	m2	0,00133	0,00108	0,00025	0,000043	0,00003	0,00001	0,00318	0,00259	0,00060
24	Biển chức danh	Chiếc	0,00077	0,00063	0,00015	0,000050	0,00004	0,00001	0,00127	0,00103	0,00024
25	Biển tên phòng	Chiếc	0,00516	0,00419	0,00097	0,000060	0,00005	0,00001	0,00461	0,00374	0,00087
26	Bình giữ nhiệt 0.8 lít	Chiếc	0,00419	0,00419	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
27	Bình giữ nhiệt 1,5 lít	Chiếc	0,00315	0,00315	-	0,000001	0,00000	-	-	-	-
28	Bình giữ nhiệt 3 lít	Chiếc	0,00210	0,00210	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
29	Bộ cây lau nhà	Bộ	0,00212	0,00212	-	0,000050	0,00005	-	-	-	-
30	Bộ kit test nhanh	Bộ	-	-	-	0,000013	0,00001	-	0,00005	0,00005	-
31	Bộ phát wifi	Chiếc	0,00181	0,00147	0,00034	0,000032	0,00003	0,00001	0,00250	0,00203	0,00047
32	Bóng đèn cao áp	Chiếc	0,00523	0,00523	-	0,086178	0,08618	-	0,00053	0,00053	-
33	Bóng đèn LED	Chiếc	0,02563	0,02082	0,00482	0,000297	0,00024	0,00006	0,01496	0,01215	0,00281
34	Bóng đèn tuýp	Chiếc	0,01290	0,01048	0,00242	0,000159	0,00013	0,00003	0,01432	0,01163	0,00269

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
35	Bút bi	Chiếc	0,02847	0,02312	0,00535	0,002796	0,00227	0,00053	0,21936	0,17815	0,04122
36	Bút chì	Chiếc	0,01796	0,01459	0,00338	0,000214	0,00017	0,00004	0,00856	0,00695	0,00161
37	Bút ký	Chiếc	0,00925	0,00751	0,00174	0,000085	0,00007	0,00002	0,00617	0,00501	0,00116
38	Bút nhớ dòng	Chiếc	0,00899	0,00730	0,00169	0,000092	0,00007	0,00002	0,00663	0,00539	0,00125
39	Bút nước	Chiếc	0,01804	0,01465	0,00339	0,000273	0,00022	0,00005	0,01216	0,00987	0,00228
40	Bút viết bảng	Chiếc	0,01521	0,01235	0,00286	0,001700	0,00138	0,00032	0,07035	0,05714	0,01322
41	Các loại ống nước	Mét	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
42	Các loại Tê nối ống	Chiếc	-	-	-	0,000069	0,00007	-	0,00032	0,00032	-
43	Cặp 3 dây	Chiếc	-	-	-	0,000156	0,00016	-	0,01607	0,01607	-
44	Cáp chuyển đổi DHMI-USB	Chiếc	0,00128	0,00104	0,00024	0,000040	0,00003	0,00001	0,00030	0,00025	0,00006
45	Cặp đục lỗ	Chiếc	0,00516	0,00419	0,00097	0,000080	0,00006	0,00001	0,00504	0,00410	0,00095
46	Card màn hình máy tính	Chiếc	0,00516	0,00419	0,00097	0,000080	0,00006	0,00002	0,00368	0,00299	0,00069
47	Cartridge mực	Chiếc	0,00516	0,00419	0,00097	0,000051	0,00004	0,00001	0,00424	0,00344	0,00080
48	Câu liêm chữa cháy	Chiếc	0,00129	0,00105	0,00024	0,000013	0,00001	0,00000	0,00105	0,00085	0,00020
49	Cây gạt nước	Chiếc	-	-	-	0,000002	0,00000	-	-	-	-
50	Cây lau nhà	Chiếc	-	-	-	0,000026	0,00003	-	0,00013	0,00013	-
51	Chân giắc micro	Chiếc	0,00388	0,00315	0,00073	0,000059	0,00005	0,00001	0,00394	0,00320	0,00074

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
52	Chân kẹp ác quy	Chiếc	0,00002	0,00002	0,00000	0,000118	0,00010	0,00002	0,15848	0,12870	0,02978
53	Chậu cảnh	Chiếc	0,00523	0,00523	-	0,000031	0,00003	-	0,00012	0,00012	-
54	Chè khô	Kg	0,00315	0,00256	0,00059	0,000115	0,00009	0,00002	0,00755	0,00613	0,00142
55	Chéch nối ống	Chiếc	-	-	-	0,000067	0,00007	-	0,00032	0,00032	-
56	Chén trà	Chiếc	0,01838	0,01492	0,00345	0,000400	0,00032	0,00008	0,03514	0,02854	0,00660
57	Chổi cọ	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
58	Chổi cước	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
59	Chổi lười	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
60	Chổi quét màng nhện	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
61	Chổi quét nhà	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
62	Chổi tre	Chiếc	-	-	-	0,000032	0,00003	-	0,00011	0,00011	-
63	Chuột máy tính	Chiếc	0,00976	0,00793	0,00183	0,000061	0,00005	0,00001	0,00449	0,00364	0,00084
64	Cọ bình nước	Chiếc	-	-	-	0,028090	0,02809	-	-	-	-
65	Cờ Tổ quốc, và các loại cờ khác	Chiếc	0,00307	0,00249	0,00058	0,000015	0,00001	0,00000	0,00126	0,00102	0,00024
66	Cốc uống nước	Chiếc	0,01326	0,01077	0,00249	0,000459	0,00037	0,00009	0,03677	0,02986	0,00691
67	Cổng kết nối USB	Chiếc	0,00386	0,00313	0,00072	0,000044	0,00004	0,00001	0,00228	0,00185	0,00043
68	Cục tẩy	Cục	0,00769	0,00625	0,00145	0,000049	0,00004	0,00001	0,00300	0,00244	0,00056

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
69	Cước điện thoại	VNĐ	1.825,73917	1.482,68278	343,05639	2,234610	1,81473	0,41988	145,22067	117,93370	27,28696
70	Cước phí bưu chính	VNĐ	261,46696	212,33732	49,12964	0,320024	0,25989	0,06013	20,79727	16,88946	3,90781
71	Cút ống nước	Chiếc	-	-	-	0,000009	0,00001	-	-	-	-
72	Đai ốp ống	Chiếc	-	-	-	0,000021	0,00002	-	-	-	-
73	Daoọc giấy	Chiếc	0,00770	0,00626	0,00145	0,000089	0,00007	0,00002	0,00380	0,00309	0,00071
74	Đập ghim cỡ đại	Chiếc	0,00155	0,00126	0,00029	0,000023	0,00002	0,00000	0,00126	0,00102	0,00024
75	Đập ghim cỡ nhỏ	Chiếc	0,01030	0,00836	0,00193	0,000093	0,00008	0,00002	0,00678	0,00551	0,00127
76	Đập ghim cỡ trung	Chiếc	0,00155	0,00126	0,00029	0,000077	0,00006	0,00001	0,00185	0,00150	0,00035
77	Dầu chức danh	Chiếc	0,00155	0,00126	0,00029	0,000039	0,00003	0,00001	0,00140	0,00114	0,00026
78	Dầu đập số	Chiếc	0,00052	0,00042	0,00010	0,000027	0,00002	0,00001	0,00039	0,00031	0,00007
79	Dầu diezen	lít	1,09024	1,09024	-	0,000021	0,00002	-	-	-	-
80	Dầu nhớt	Lít	0,00423	0,00423	-	0,000001	0,00000	-	-	-	-
81	Đầu nối ống nước	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
82	Đầu nối ren	Chiếc	-	-	-	0,000035	0,00004	-	0,00006	0,00006	-
83	Dấu sao y	Chiếc	0,00051	0,00042	0,00010	0,000179	0,00015	0,00003	0,00049	0,00039	0,00009
84	Dấu tròn tên đơn vị	Chiếc	0,00078	0,00063	0,00015	0,000010	0,00001	0,00000	0,00084	0,00068	0,00016
85	Dây cấp nước vệ sinh	Chiếc	-	-	-	0,000017	0,00002	-	-	-	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
86	Dây điện	m	-	-	-	0,000009	0,00001	-	-	-	-
87	Dây mạng	m	0,51239	0,41611	0,09628	0,002566	0,00208	0,00048	0,20537	0,16678	0,03859
88	Đèn bán nguyệt	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
89	Đèn pin	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
90	Điện	Kw	6,80375	5,52533	1,27842	0,251238	0,20403	0,04721	42,45991	34,48170	7,97822
91	Điều khiển các loại	Chiếc	-	-	-	0,000039	0,00004	-	-	-	-
92	Dui đèn	Chiếc	0,01288	0,01046	0,00242	0,000222	0,00018	0,00004	0,01120	0,00910	0,00211
93	File trình ký	Chiếc	0,00516	0,00419	0,00097	0,005483	0,00445	0,00103	0,20408	0,16573	0,03835
94	Gen máng điện	Cây	-	-	-	0,000071	0,00007	-	0,00031	0,00031	-
95	Ghim dập cỡ đại	Hộp	0,00772	0,00627	0,00145	0,000066	0,00005	0,00001	0,00446	0,00362	0,00084
96	Ghim dập cỡ nhỏ	Hộp	0,01801	0,01463	0,00338	0,000179	0,00015	0,00003	0,01039	0,00844	0,00195
97	Ghim dập cỡ trung	Hộp	0,00776	0,00631	0,00146	0,000094	0,00008	0,00002	0,00736	0,00597	0,00138
98	Ghim vòng/ghim cài	Hộp	0,02069	0,01680	0,00389	0,000227	0,00018	0,00004	0,01899	0,01542	0,00357
99	Giắc cắm loa	Chiếc	0,00385	0,00312	0,00072	0,000020	0,00002	0,00000	0,00177	0,00144	0,00033
100	Giấy ăn	Hộp	0,01670	0,01670	-	0,000096	0,00010	-	0,00015	0,00015	-
101	Giấy bìa A3	Gram	-	-	-	0,000006	0,00001	-	0,00040	0,00040	-
102	Giấy bìa A4	Gram	0,00105	0,00085	0,00020	0,000054	0,00004	0,00001	0,00259	0,00211	0,00049

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
103	Giấy in A3	Gram	0,00103	0,00084	0,00019	0,000061	0,00005	0,00001	0,00160	0,00130	0,00030
104	Giấy in A4	Gram	0,02523	0,02049	0,00474	0,000447	0,00036	0,00008	0,03793	0,03081	0,00713
105	Giấy in A5	Gram	0,00002	0,00002	0,00000	0,000039	0,00003	0,00001	0,01018	0,00827	0,00191
106	Giấy nhó (30x30)	Tập	0,02057	0,01670	0,00386	0,000278	0,00023	0,00005	0,01324	0,01075	0,00249
107	Giấy nhó (30x50)	Tập	0,02057	0,01670	0,00386	0,000171	0,00014	0,00003	0,01418	0,01152	0,00266
108	Giấy phân trang	Tập	0,02057	0,01670	0,00386	0,000155	0,00013	0,00003	0,00987	0,00802	0,00186
109	Giấy than xanh	Tập	0,00256	0,00208	0,00048	0,000008	0,00001	0,00000	0,00086	0,00070	0,00016
110	Giấy vệ sinh	Cuộn	-	-	-	0,000010	0,00001	-	-	-	-
111	Góc nối ống	Chiếc	-	-	-	0,000046	0,00005	-	0,00019	0,00019	-
112	Gọt bút chì	Chiếc	0,01280	0,01040	0,00241	0,000120	0,00010	0,00002	0,00397	0,00322	0,00075
113	Hạt công tắc	Chiếc	0,01290	0,01048	0,00242	0,000216	0,00018	0,00004	0,01393	0,01131	0,00262
114	Hồ dán	Lọ	0,01288	0,01046	0,00242	0,000155	0,00013	0,00003	0,01198	0,00973	0,00225
115	Hóa chất diệt khuẩn	kg	-	-	-	0,000048	0,00005	-	0,00001	0,00001	-
116	Hộp để mạng tổng	Chiếc	0,00000	0,00000	0,00000	0,000033	0,00003	0,00001	0,00049	0,00040	0,00009
117	Hộp đựng hồ sơ	Hộp	0,00007	0,00006	0,00001	0,000121	0,00010	0,00002	0,00716	0,00581	0,00135
118	Hộp file tài liệu 15cm	Hộp	0,00516	0,00419	0,00097	0,000085	0,00007	0,00002	0,00499	0,00405	0,00094
119	Hộp file tài liệu 25cm	Hộp	0,00516	0,00419	0,00097	0,000124	0,00010	0,00002	0,00512	0,00416	0,00096

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
120	Hộp file tài liệu 30cm	Hộp	0,00516	0,00419	0,00097	0,000061	0,00005	0,00001	0,00516	0,00419	0,00097
121	Hộp số quạt trần	Chiếc	0,01048	0,01048	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
122	Hót rác	Chiếc	-	-	-	0,000066	0,00007	-	0,00031	0,00031	-
123	Keo dán	Lọ	0,00774	0,00629	0,00145	0,000079	0,00006	0,00001	0,00666	0,00541	0,00125
124	Keo PVC	Lọ	0,00419	0,00419	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
125	Keo silicon	Lọ	0,00417	0,00417	-	0,001099	0,00110	-	0,00015	0,00015	-
126	Kéo văn phòng	Chiếc	0,01285	0,01044	0,00241	0,000186	0,00015	0,00003	0,00806	0,00654	0,00151
127	Kẹp bướm 10mm	Hộp	0,06134	0,04982	0,01153	0,000269	0,00022	0,00005	0,01749	0,01420	0,00329
128	Kẹp bướm 15mm	Hộp	0,06146	0,04991	0,01155	0,000344	0,00028	0,00006	0,02390	0,01941	0,00449
129	Kẹp bướm 19mm	Hộp	0,06146	0,04991	0,01155	0,000332	0,00027	0,00006	0,02308	0,01874	0,00434
130	Kẹp bướm 25mm	Hộp	0,06146	0,04991	0,01155	0,000303	0,00025	0,00006	0,02246	0,01824	0,00422
131	Kẹp bướm 32mm	Hộp	0,06146	0,04991	0,01155	0,000291	0,00024	0,00005	0,02244	0,01822	0,00422
132	Kẹp bướm 41mm	Hộp	0,06146	0,04991	0,01155	0,000303	0,00025	0,00006	0,02244	0,01822	0,00422
133	Kẹp bướm 51mm	Hộp	0,06158	0,05001	0,01157	0,000317	0,00026	0,00006	0,02858	0,02321	0,00537
134	Khăn lau	Chiếc	-	-	-	1,228148	1,22815	-	-	-	-
135	Khăn trải bàn	Chiếc	0,00417	0,00417	-	0,000042	0,00004	-	0,00076	0,00076	-
136	Khẩu trang vải	Chiếc	-	-	-	0,000543	0,00054	-	0,03939	0,03939	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
137	Khay đựng bút văn phòng	Chiếc	0,00514	0,00417	0,00097	0,000345	0,00028	0,00006	0,00309	0,00251	0,00058
138	Khay đựng tài liệu	Chiếc	0,01280	0,01040	0,00241	0,000055	0,00004	0,00001	0,00368	0,00299	0,00069
139	Khóa cửa	Chiếc	0,01042	0,01042	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
140	Khóa đồng	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
141	Kính chống giọt bắn	Chiếc	-	-	-	0,000027	0,00003	-	0,00013	0,00013	-
142	Lịch	Quyển	0,00388	0,00315	0,00073	0,000070	0,00006	0,00001	0,00504	0,00409	0,00095
143	Lọ hoa	Chiếc	0,00209	0,00209	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
144	Lưới chắn muỗi	Bộ	-	-	-	0,000019	0,00002	-	-	-	-
145	Măng xông điện nước	Chiếc	0,00633	0,00633	-	0,000002	0,00000	-	0,00008	0,00008	-
146	Mặt bảng điện	Chiếc	-	-	-	0,000146	0,00015	-	0,00971	0,00971	-
147	Mắt camera	Chiếc	-	-	-	0,000067	0,00007	-	0,00331	0,00331	-
148	Mặt công tắc	Chiếc	0,00772	0,00627	0,00145	0,000087	0,00007	0,00002	0,00582	0,00473	0,00109
149	Máy tính cá nhân	chiếc	0,00097	-	0,00097	0,000014	-	0,00001	0,00061	-	0,00061
150	Móc quạt trần	Chiếc	-	-	-	0,000003	0,00000	-	0,00001	0,00001	-
151	Mực dấu	Lọ	0,00128	0,00104	0,00024	0,000140	0,00011	0,00003	0,00126	0,00102	0,00024
152	Mực in	Hộp	0,00957	0,00777	0,00180	0,000310	0,00025	0,00006	0,02466	0,02003	0,00463
153	Mực máy photocopy	Hộp	0,00128	0,00104	0,00024	0,000010	0,00001	0,00000	0,00073	0,00059	0,00014

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
154	Nước lau kính	Lít	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
155	Nước lau sàn	Lít	-	-	-	0,000332	0,00033	-	-	-	-
156	Nước rửa chén	Lít	-	-	-	0,000331	0,00033	-	-	-	-
157	Nước rửa tay	Chai	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
158	Nước sinh hoạt	m3	-	-	-	0,000136	0,00014	-	-	-	-
159	Nước tẩy rửa nhà vệ sinh	lít	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
160	Nước uống	lít	-	-	-	0,007040	0,00704	-	0,33477	0,33477	-
161	Nước xịt phòng	Chai	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
162	Ổ cắm điện có dây	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
163	Ổng ghen ruột gà	m	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
164	Phần mềm diệt virus máy vi tính	Chiếc	0,00387	0,00314	0,00073	0,000046	0,00004	0,00001	0,00329	0,00267	0,00062
165	Phao tự động	Chiếc	-	-	-	0,000036	0,00004	-	0,00006	0,00006	-
166	Phí internet	VNĐ	3.030,51194	2.461,07875	569,43319	3,709248	3,01228	0,69697	241,04925	195,75610	45,29315
167	Phích cắm	Chiếc	-	-	-	0,000130	0,00013	-	0,01119	0,01119	-
168	Phích giữ nhiệt	Chiếc	-	-	-	0,000294	0,00029	-	0,00925	0,00925	-
169	Phong bì xanh đỏ	Tập	0,00622	-	0,00622	0,000470	-	0,00047	0,03980	-	0,03980
170	Pin đại	Hộp	-	-	-	0,000962	0,00096	-	-	-	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
171	Pin đũa	Hộp	-	-	-	0,000000	0,000000	-	-	-	-
172	Pin tiểu	Hộp	-	-	-	0,000000	0,000000	-	-	-	-
173	Quả chụp đèn ngoài trời	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	-	-	-
174	Quả lọc nước	Bộ	-	-	-	0,000000	0,000000	-	-	-	-
175	Quần áo bảo hộ	Bộ	-	-	-	0,000000	0,000000	-	-	-	-
176	Rắc co	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	-	-	-
177	Rèm cửa	m2	-	-	-	0,000001	0,000000	-	-	-	-
178	Ren ngoài	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	-	-	-
179	Ren trong	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	-	-	-
180	Rơ le tự động máy tăng áp	Chiếc	-	-	-	0,000066	0,00007	-	0,00031	0,00031	-
181	Sổ các loại	Quyển	0,01290	0,01048	0,00242	0,000138	0,00011	0,00003	0,01033	0,00839	0,00194
182	Súng bắn keo	Chiếc	-	-	-	0,000007	0,00001	-	0,00003	0,00003	-
183	Switch mạng máy vi tính	Chiếc	0,00257	0,00209	0,00048	0,000016	0,00001	0,00000	0,00126	0,00102	0,00024
184	Tấm kính	Tấm	-	-	-	0,000000	0,000000	-	-	-	-
185	Tấm thoát sàn	m	-	-	-	0,000004	0,000000	-	-	-	-
186	Thảm lau chân	Chiếc	-	-	-	0,000133	0,00013	-	0,00063	0,00063	-
187	Thẻ nhân viên	Chiếc	0,01941	0,01576	0,00365	0,000251	0,00020	0,00005	0,02173	0,01765	0,00408

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
188	Thùng rác	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,00000	-	-	-	-
189	Thước kẻ	Chiếc	-	-	-	0,000111	0,00011	-	0,00894	0,00894	-
190	Thuốc muối	Chai	-	-	-	0,000001	0,00000	-	-	-	-
191	Tinh dầu sả, quế, chanh	Lít	-	-	-	0,000001	0,00000	-	-	-	-
192	Trà thanh nhiệt	Gói	-	-	-	0,000002	0,00000	-	-	-	-
193	Tụ quạt	Chiếc	-	-	-	0,000139	0,00014	-	0,00069	0,00069	-
194	Túi clear bag A4	Chiếc	0,13022	0,10575	0,02447	0,002464	0,00200	0,00046	0,19391	0,15748	0,03644
195	Túi clear bag F	Chiếc	0,13022	0,10575	0,02447	0,002662	0,00216	0,00050	0,19889	0,16152	0,03737
196	Túi đựng rác	Kg	-	-	-	0,000001	0,00000	-	-	-	-
197	Tuýp vặn ốc	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
198	USB thu wifi	Chiếc	0,00129	0,00105	0,00024	0,000018	0,00001	0,00000	0,00143	0,00116	0,00027
199	Van nước	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
200	Ve	Kg	-	-	-	0,000001	0,00000	-	-	-	-
201	Vệ sinh môi trường	m3	-	-	-	0,000011	0,00001	-	-	-	-
202	Vít nở	Chiếc	-	-	-	0,000003	0,00000	-	-	-	-
203	Vò bình đựng nước uống 10 lít	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,00000	-	-	-	-
204	Vò bình đựng nước uống 20 lít	Chiếc	-	-	-	0,000067	0,00007	-	0,00031	0,00031	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	1.2.2. Tiếp nhận người đang trong quá trình xác định là nạn nhân mua bán từ bàn giao giữa các phòng, đội tại Trung tâm theo chức năng, nhiệm vụ			2.1.1 Dịch vụ tư vấn tâm lý			2.1.2. Dịch vụ kết nối tư vấn pháp lý		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
205	Vỏ hồ sơ	Chiếc	0,05124	0,04161	0,00963	0,000981	0,00080	0,00018	0,05007	0,04066	0,00941
206	Vòi bột	Kg	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
207	Vòi chậu rửa mặt	Chiếc	-	-	-	0,000002	0,00000	-	-	-	-
208	Vòi xịt vệ sinh	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,00000	-	-	-	-
209	Xăng	lít	0,65577	0,53255	0,12322	0,010000	0,00812	0,00188	1,13124	0,91868	0,21256
210	Xi phòng kết nước	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,00000	-	-	-	-
211	Xịt côn trùng	Chai	-	-	-	0,000001	0,00000	-	-	-	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
1	Ấm siêu tốc	Chiếc	0,00012	0,00012	-	0,000001	0,000001	-	0,000003	0,000003	-
2	Ấm trà	Chiếc	0,00374	0,00374	-	0,000037	0,000037	-	0,000023	0,000023	-
3	Ảnh bác	Chiếc	0,00058	-	0,00058	0,000002	-	0,000002	0,000001	-	0,000001
4	Ảnh hồ sơ	Tấm	0,12910	0,12910	-	0,000705	0,000705	-	0,000446	0,000446	-
5	Attomat	Chiếc	0,00917	0,00745	0,00172	0,000060	0,000048	0,000011	0,000038	0,000031	0,000007
6	Bàn phím máy vi tính	Chiếc	0,00547	0,00444	0,00103	0,000030	0,000024	0,000006	0,000020	0,000016	0,000004
7	Bàn xoa	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
8	Bảng công khai tài chính	Chiếc	0,00022	-	0,00022	0,000007	0,000006	0,000001	0,000005	0,000004	0,000001
9	Băng dính dán giấy 3.5 cm	Cuộn	0,02001	0,01625	0,00376	0,000103	0,000084	0,000019	0,000067	0,000055	0,000013
10	Băng dính dán giấy 5 cm	Cuộn	0,01685	0,01368	0,00317	0,000092	0,000075	0,000017	0,000059	0,000048	0,000011
11	Băng dính đen	Cuộn	0,01188	0,00964	0,00223	0,000065	0,000053	0,000012	0,000042	0,000034	0,000008
12	Băng dính hai mặt 1cm	Cuộn	0,00922	0,00749	0,00173	0,000055	0,000045	0,000010	0,000037	0,000030	0,000007
13	Băng dính hai mặt 2.5 cm	Cuộn	0,00927	0,00753	0,00174	0,000059	0,000048	0,000011	0,000038	0,000031	0,000007
14	Băng dính hai mặt 5 cm	Cuộn	0,00967	0,00785	0,00182	0,000050	0,000041	0,000009	0,000033	0,000027	0,000006

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
15	Băng dính trong nhỏ	Cuộn	0,00904	0,00734	0,00170	0,000063	0,000052	0,000012	0,000041	0,000033	0,000008
16	Băng dính trong to	Cuộn	0,01125	0,00914	0,00211	0,000070	0,000057	0,000013	0,000047	0,000038	0,000009
17	Bảng lịch công tác	Chiếc	0,00334	0,00271	0,00063	0,000028	0,000022	0,000005	0,000017	0,000014	0,000003
18	Băng nẹp cổ tay	Chiếc	0,00005	0,00005	-	-	-	-	-	-	-
19	Bảng nội quy	Chiếc	0,00575	0,00467	0,00108	0,000024	0,000019	0,000004	0,000015	0,000012	0,000003
20	Băng rôn, pa nô, khẩu hiệu	m2	0,15001	0,12182	0,02819	0,001022	0,000830	0,000192	0,000635	0,000515	0,000119
21	Băng tan	Cuộn	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000006	0,000006	-
22	Băng thun	Cuộn	0,00001	0,00001	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
23	Bảng tin	Chiếc	0,00090	0,00073	0,00017	0,000005	0,000004	0,000001	0,000003	0,000003	0,000001
24	Băng xóa	Chiếc	0,01610	0,01307	0,00302	0,000088	0,000071	0,000016	0,000057	0,000046	0,000011
25	Bao lì xì	Chiếc	-	-	-	0,000011	0,000011	-	0,000040	0,000040	-
26	Bát ăn cơm	Chiếc	-	-	-	0,000009	0,000009	-	0,000022	0,000022	-
27	Bát canh cỡ to	Chiếc	-	-	-	0,000002	0,000002	-	0,000006	0,000006	-
28	Bát canh cỡ vừa	Chiếc	-	-	-	0,000003	0,000003	-	0,000008	0,000008	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
29	Bát chằm	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000006	0,000006	-
30	Bay xây	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
31	Biển cài	Chiếc	0,02651	0,02153	0,00498	0,000120	0,000098	0,000023	0,000078	0,000063	0,000015
32	Biển chỉ dẫn	m2	0,00307	0,00249	0,00058	0,000028	0,000023	0,000005	0,000017	0,000014	0,000003
33	Biển chức danh	Chiếc	0,00372	0,00302	0,00070	0,000010	0,000009	0,000002	0,000007	0,000006	0,000001
34	Biển tên phòng	Chiếc	0,00851	0,00691	0,00160	0,000048	0,000039	0,000009	0,000031	0,000025	0,000006
35	Bình giữ nhiệt 0.8 lít	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
36	Bình giữ nhiệt 1,5 lít	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000001	0,000001	-
37	Bình giữ nhiệt 3 lít	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
38	Bộ cây lau nhà	Bộ	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
39	Bộ định tuyến	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000001	0,000001	-
40	Bộ kit test nhanh	Bộ	0,00012	0,00012	-	-	-	-	-	-	-
41	Bộ phát wifi	Chiếc	0,00584	0,00475	0,00110	0,000021	0,000017	0,000004	0,000014	0,000011	0,000003
42	Bơm kim tiêm	Chiếc	0,00000	0,00000	-	-	-	-	-	-	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
43	Bóng đèn cao áp	Chiếc	0,00110	0,00110	-	0,000001	0,000001	-	0,000003	0,000003	-
44	Bóng đèn LED	Chiếc	0,03529	0,02865	0,00663	0,000128	0,000104	0,000024	0,000088	0,000072	0,000017
45	Bóng đèn tuýp	Chiếc	0,03281	0,02665	0,00617	0,000125	0,000101	0,000023	0,000084	0,000068	0,000016
46	Bột giặt	Kg	-	-	-	0,000006	0,000006	-	0,000026	0,000026	-
47	Búa	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
48	Bút bi	Chiếc	0,35512	0,28839	0,06673	0,002239	0,001818	0,000421	0,001482	0,001203	0,000278
49	Bút chì	Chiếc	0,01639	0,01331	0,00308	0,000097	0,000079	0,000018	0,000063	0,000052	0,000012
50	Bút ký	Chiếc	0,01119	0,00909	0,00210	0,000062	0,000051	0,000012	0,000039	0,000032	0,000007
51	Bút nhớ dòng	Chiếc	0,01561	0,01267	0,00293	0,000073	0,000059	0,000014	0,000049	0,000039	0,000009
52	Bút nước	Chiếc	0,01771	0,01438	0,00333	0,000101	0,000082	0,000019	0,000063	0,000051	0,000012
53	Bút viết bảng	Chiếc	0,08286	0,06729	0,01557	0,001068	0,000867	0,000201	0,000640	0,000520	0,000120
54	Các loại ống nước	Mét	0,00000	0,00000	-	0,000005	0,000005	-	0,000011	0,000011	-
55	Các loại Tê nổi ống	Chiếc	0,00061	0,00061	-	0,000004	0,000004	-	0,000006	0,000006	-
56	Cặp 3 dây	Chiếc	0,02361	0,02361	-	0,000124	0,000124	-	0,000079	0,000079	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
57	Cáp chuyển đổi DHMI-USB	Chiếc	0,00051	0,00041	0,00010	0,000002	0,000002	0,000000	0,000001	0,000001	0,000000
58	Cặp đục lỗ	Chiếc	0,01032	0,00838	0,00194	0,000050	0,000041	0,000009	0,000032	0,000026	0,000006
59	Card màn hình máy tính	Chiếc	0,00625	0,00507	0,00117	0,000038	0,000031	0,000007	0,000024	0,000019	0,000004
60	Cartridge mực	Chiếc	0,00651	0,00528	0,00122	0,000039	0,000032	0,000007	0,000025	0,000020	0,000005
61	Câu tiêm chữa cháy	Chiếc	0,00185	0,00150	0,00035	0,000010	0,000008	0,000002	0,000007	0,000005	0,000001
62	Cây gạt nước	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
63	Cây lau nhà	Chiếc	0,00023	0,00023	-	0,000002	0,000002	-	0,000008	0,000008	-
64	Chân giắc micro	Chiếc	0,00530	0,00430	0,00100	0,000035	0,000028	0,000007	0,000022	0,000018	0,000004
65	Chân kẹp ác quy	Chiếc	0,90292	0,73326	0,16966	0,000237	0,000193	0,000045	0,000237	0,000192	0,000045
66	Chậu cảnh	Chiếc	0,00029	0,00029	-	0,000001	0,000001	-	0,000005	0,000005	-
67	Chè khô	Kg	0,01155	0,00938	0,00217	0,000085	0,000069	0,000016	0,000054	0,000044	0,000010
68	Chếch nối ống	Chiếc	0,00067	0,00067	-	0,000003	0,000003	-	0,000006	0,000006	-
69	Chén trà	Chiếc	0,04663	0,03787	0,00876	0,000306	0,000249	0,000058	0,000190	0,000155	0,000036
70	Chi khâu vết thương	Hộp	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
71	Chít	Kg	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000000	0,000000	-
72	Chổi cọ	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000003	0,000003	-	0,000007	0,000007	-
73	Chổi cước	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000005	0,000005	-
74	Chổi lười	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000003	0,000003	-
75	Chổi quét màng nhện	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
76	Chổi quét nhà	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000004	0,000004	-	0,000012	0,000012	-
77	Chổi tre	Chiếc	0,00029	0,00029	-	0,000003	0,000003	-	0,000006	0,000006	-
78	Chuột máy tính	Chiếc	0,00634	0,00515	0,00119	0,000049	0,000040	0,000009	0,000031	0,000025	0,000006
79	Cọ bình nước	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000003	0,000003	-
80	Cờ lê	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
81	Cờ Tô quốc, và các loại cờ khác	Chiếc	0,00096	-	0,00096	0,000020	0,000016	0,000004	0,000014	0,000011	0,000003
82	Cọ xoong nồi	Chiếc	-	-	-	0,000003	0,000003	-	0,000011	0,000011	-
83	Cốc uống nước	Chiếc	0,05487	0,04456	0,01031	0,000343	0,000279	0,000064	0,000217	0,000176	0,000041
84	Cổng kết nối USB	Chiếc	0,00372	0,00302	0,00070	0,000021	0,000017	0,000004	0,000014	0,000011	0,000003

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
85	Cửa cầm tay	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
86	Cục tẩy	Cục	0,00564	0,00458	0,00106	0,000039	0,000032	0,000007	0,000026	0,000021	0,000005
87	Cước điện thoại	VND	179,90974	146,10470	33,80504	3,003576	2,439204	0,564372	1,977427	1,605869	0,371559
88	Cước phí bưu chính	VND	25,76516	20,92389	4,84127	0,430147	0,349322	0,080825	0,283190	0,229979	0,053211
89	Cút ống nước	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000003	0,000003	-	0,000004	0,000004	-
90	Đai ốp ống	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000003	0,000003	-	0,000004	0,000004	-
91	Dao chặt	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000002	0,000002	-
92	Dao dọc giấy	Chiếc	0,00613	0,00498	0,00115	0,000040	0,000032	0,000007	0,000026	0,000021	0,000005
93	Dao phát cán dài	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
94	Dao thái	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000003	0,000003	-
95	Dao xây	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000000	0,000000	-
96	Đập ghim cỡ đại	Chiếc	0,00161	0,00130	0,00030	0,000010	0,000008	0,000002	0,000007	0,000005	0,000001
97	Đập ghim cỡ nhỏ	Chiếc	0,01056	0,00858	0,00198	0,000063	0,000051	0,000012	0,000040	0,000033	0,000008
98	Đập ghim cỡ trung	Chiếc	0,00343	0,00278	0,00064	0,000013	0,000011	0,000003	0,000009	0,000007	0,000002

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
99	Đầu béc phun sương	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
100	Dầu chức danh	Chiếc	0,00198	0,00161	0,00037	0,000012	0,000010	0,000002	0,000007	0,000006	0,000001
101	Dầu đập số	Chiếc	0,00047	0,00038	0,00009	0,000003	0,000003	0,000001	0,000002	0,000002	0,000000
102	Dầu diezen	lít	0,00000	0,00000	-	0,000153	0,000153	-	0,000869	0,000869	-
103	Dầu nhớt	Lít	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000004	0,000004	-
104	Đầu nối ống nước	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000003	0,000003	-	0,000005	0,000005	-
105	Đầu nối ren	Chiếc	0,00033	0,00033	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
106	Dầu sao y	Chiếc	0,00191	0,00155	0,00036	0,000002	0,000002	0,000000	0,000001	0,000001	0,000000
107	Dầu tròn tên đơn vị	Chiếc	0,00074	0,00060	0,00014	0,000008	0,000006	0,000001	0,000005	0,000004	0,000001
108	Dây bơm nước	m	-	-	-	0,000036	0,000036	-	0,000090	0,000090	-
109	Dây cảm biến từ cấp đông	m	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000004	0,000004	-
110	Dây cấp nước vệ sinh	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000003	0,000003	-
111	Dây cu loa máy xay thịt	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
112	Dây dẫn ga	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000004	0,000004	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
113	Dây điện	m	0,00000	0,00000	-	0,000032	0,000032	-	0,000185	0,000185	-
114	Dây dù	Mét	-	-	-	0,000085	0,000085	-	0,000201	0,000201	-
115	Dây hút đờm	Chiếc	-	-	-	0,000006	0,000006	-	0,000017	0,000017	-
116	Dây mạng	m	0,48985	0,39780	0,09204	0,002506	0,002035	0,000471	0,001667	0,001354	0,000313
117	Dây phun sương	m	-	-	-	0,000005	0,000005	-	0,000006	0,000006	-
118	Dây thép	m	-	-	-	0,000021	0,000021	-	0,000060	0,000060	-
119	Dây thít nhựa	Gói	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000001	0,000001	-
120	Đèn bán nguyệt	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000000	0,000000	-	0,000000	0,000000	-
121	Đèn pin	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000003	0,000003	-
122	Đĩa chằm	Chiếc	-	-	-	0,000002	0,000002	-	0,000006	0,000006	-
123	Đĩa đựng đồ ăn các loại	Chiếc	-	-	-	0,000006	0,000006	-	0,000017	0,000017	-
124	Điện	Kw	49,94310	40,55879	9,38431	0,204090	0,165741	0,038348	0,138193	0,112227	0,025967
125	Điều khiển các loại	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000000	0,000000	-	0,000000	0,000000	-
126	Đinh bê tông	Kg	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000002	0,000002	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
127	Đũa	Đôi	-	-	-	0,000007	0,000007	-	0,000022	0,000022	-
128	Đũa xào nấu	Đôi	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
129	Đui đèn	Chiếc	0,02880	0,02339	0,00541	0,000134	0,000109	0,000025	0,000091	0,000074	0,000017
130	File trình ký	Chiếc	0,86005	0,69845	0,16160	0,004386	0,003562	0,000824	0,003825	0,003106	0,000719
131	Găng tay cao su	Đôi	0,00000	0,00000	-	0,000012	0,000012	-	0,000026	0,000026	-
132	Găng tay ni lông	Hộp	-	-	-	0,000002	0,000002	-	0,000016	0,000016	-
133	Gen máng điện	Cây	0,00057	0,00057	-	0,000003	0,000003	-	0,000018	0,000018	-
134	Ghim dập cỡ đại	Hộp	0,00525	0,00426	0,00099	0,000039	0,000032	0,000007	0,000024	0,000020	0,000005
135	Ghim dập cỡ nhỏ	Hộp	0,01387	0,01126	0,00261	0,000108	0,000088	0,000020	0,000068	0,000056	0,000013
136	Ghim dập cỡ trung	Hộp	0,00853	0,00693	0,00160	0,000065	0,000053	0,000012	0,000041	0,000033	0,000008
137	Ghim vòng/ghim cài	Hộp	0,02782	0,02259	0,00523	0,000170	0,000138	0,000032	0,000107	0,000087	0,000020
138	Giắc cắm loa	Chiếc	0,00471	0,00383	0,00089	0,000018	0,000014	0,000003	0,000012	0,000010	0,000002
139	Giấy ăn	Hộp	0,00089	0,00089	-	0,000003	0,000003	-	0,000012	0,000012	-
140	Giấy bìa A3	Gram	0,00076	0,00076	-	0,000002	0,000002	-	0,000001	0,000001	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
141	Giấy bìa A4	Gram	0,00515	0,00419	0,00097	0,000021	0,000017	0,000004	0,000013	0,000011	0,000002
142	Giấy in A3	Gram	0,00282	0,00229	0,00053	0,000010	0,000009	0,000002	0,000007	0,000006	0,000001
143	Giấy in A4	Gram	0,05517	0,04480	0,01037	0,000325	0,000264	0,000061	0,000203	0,000165	0,000038
144	Giấy in A5	Gram	0,00320	0,00260	0,00060	0,000027	0,000022	0,000005	0,000014	0,000012	0,000003
145	Giấy nhó (30x30)	Tập	0,02849	0,02314	0,00535	0,000119	0,000096	0,000022	0,000080	0,000065	0,000015
146	Giấy nhó (30x50)	Tập	0,03000	0,02436	0,00564	0,000121	0,000099	0,000023	0,000082	0,000067	0,000015
147	Giấy phân trang	Tập	0,01200	0,00974	0,00225	0,000094	0,000077	0,000018	0,000059	0,000048	0,000011
148	Giấy than xanh	Tập	0,00148	0,00120	0,00028	0,000006	0,000005	0,000001	0,000004	0,000003	0,000001
149	Giấy vệ sinh	Cuộn	0,00000	0,00000	-	0,000061	0,000061	-	0,000230	0,000230	-
150	Gioăng tú com	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
151	Gioăng tú hơi	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
152	Góc nối ống	Chiếc	0,00034	0,00034	-	0,000002	0,000002	-	0,000003	0,000003	-
153	Gọt bút chì	Chiếc	0,00777	0,00631	0,00146	0,000046	0,000037	0,000009	0,000031	0,000025	0,000006
154	Hạt công tắc	Chiếc	0,03353	0,02723	0,00630	0,000125	0,000102	0,000024	0,000084	0,000068	0,000016

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
155	Hồ dán	Lọ	0,02725	0,02213	0,00512	0,000121	0,000098	0,000023	0,000082	0,000067	0,000015
156	Hóa chất diệt khuẩn	kg	0,00002	0,00002	-	0,000002	0,000002	-	0,000002	0,000002	-
157	Hộp đựng mạng tổng	Chiếc	0,00178	0,00144	0,00033	0,000005	0,000004	0,000001	0,000003	0,000003	0,000001
158	Hộp đựng hồ sơ	Hộp	0,01636	0,01329	0,00307	0,000073	0,000059	0,000014	0,000049	0,000040	0,000009
159	Hộp file tài liệu 15cm	Hộp	0,00957	0,00777	0,00180	0,000046	0,000037	0,000009	0,000030	0,000024	0,000006
160	Hộp file tài liệu 25cm	Hộp	0,00986	0,00801	0,00185	0,000046	0,000037	0,000009	0,000030	0,000024	0,000006
161	Hộp file tài liệu 30cm	Hộp	0,00952	0,00773	0,00179	0,000046	0,000038	0,000009	0,000030	0,000024	0,000006
162	Hộp số quạt trần	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000005	0,000005	-
163	Hót rác	Chiếc	0,00057	0,00057	-	0,000004	0,000004	-	0,000012	0,000012	-
164	Keo dán	Lọ	0,01021	0,00829	0,00192	0,000059	0,000048	0,000011	0,000037	0,000030	0,000007
165	Keo PVC	Lọ	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
166	Keo silicon	Lọ	0,00028	0,00028	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
167	Kéo văn phòng	Chiếc	0,01124	0,00913	0,00211	0,000073	0,000059	0,000014	0,000048	0,000039	0,000009
168	Kẹp bướm 10mm	Hộp	0,05476	0,04447	0,01029	0,000178	0,000145	0,000034	0,000122	0,000099	0,000023

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
169	Kẹp bướm 15mm	Hộp	0,05732	0,04655	0,01077	0,000230	0,000187	0,000043	0,000154	0,000125	0,000029
170	Kẹp bướm 19mm	Hộp	0,05693	0,04623	0,01070	0,000229	0,000186	0,000043	0,000154	0,000125	0,000029
171	Kẹp bướm 25mm	Hộp	0,05633	0,04574	0,01058	0,000228	0,000185	0,000043	0,000153	0,000124	0,000029
172	Kẹp bướm 32mm	Hộp	0,05622	0,04565	0,01056	0,000228	0,000185	0,000043	0,000153	0,000124	0,000029
173	Kẹp bướm 41mm	Hộp	0,05631	0,04573	0,01058	0,000228	0,000185	0,000043	0,000153	0,000124	0,000029
174	Kẹp bướm 51mm	Hộp	0,05886	0,04780	0,01106	0,000276	0,000225	0,000052	0,000180	0,000146	0,000034
175	Khăn lau	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000004	0,000004	-	0,000007	0,000007	-
176	Khăn trải bàn	Chiếc	0,00017	0,00017	-	0,000001	0,000001	-	0,000006	0,000006	-
177	Khẩu trang vải	Chiếc	0,05779	0,05779	-	0,000354	0,000354	-	0,000227	0,000227	-
178	Khay đựng bút văn phòng	Chiếc	0,00530	0,00430	0,00100	0,000024	0,000020	0,000005	0,000016	0,000013	0,000003
179	Khay đựng tài liệu	Chiếc	0,00794	0,00645	0,00149	0,000050	0,000041	0,000009	0,000033	0,000027	0,000006
180	Khóa cửa	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000008	0,000008	-
181	Khóa dây bếp ga	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000003	0,000003	-
182	Khóa đồng	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000005	0,000005	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
183	Khóa van nổi hơi	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
184	Khung giấy khen	Chiếc	-	-	-	0,000003	0,000003	-	0,000012	0,000012	-
185	Kìm	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
186	Kính chống giọt bắn	Chiếc	0,00024	0,00024	-	0,000002	0,000002	-	0,000005	0,000005	-
187	Lịch	Quyển	0,00739	0,00600	0,00139	0,000049	0,000039	0,000009	0,000030	0,000024	0,000006
188	Lọ hoa	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000000	0,000000	-	0,000002	0,000002	-
189	Lò xo thông bồn cầu	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
190	Lưới chắn muỗi	Bộ	0,00000	0,00000	-	0,000006	0,000006	-	0,000008	0,000008	-
191	Lưỡi cưa sắt	Chiếc	-	-	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
192	Mai so nổi hơi	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000003	0,000003	-
193	Măng xông điện nước	Chiếc	0,00001	0,00001	-	0,000001	0,000001	-	0,000003	0,000003	-
194	Mặt bảng điện	Chiếc	0,03546	0,03546	-	0,000119	0,000119	-	0,000087	0,000087	-
195	Mắt camera	Chiếc	0,00785	0,00785	-	0,000028	0,000028	-	0,000019	0,000019	-
196	Mặt công tắc	Chiếc	0,01334	0,01084	0,00251	0,000063	0,000051	0,000012	0,000042	0,000034	0,000008

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
197	Máy tính cá nhân	chiếc	0,00547	0,00444	0,00103	0,000034	0,000028	0,000006	0,000022	0,000018	0,000004
198	Mô lét to	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000001	0,000001	-
199	Móc quạt trần	Chiếc	0,00002	0,00002	-	0,000003	0,000003	-	0,000007	0,000007	-
200	Mực dấu	Lọ	0,00267	0,00217	0,00050	0,000006	0,000005	0,000001	0,000004	0,000003	0,000001
201	Mực in	Hộp	0,02412	0,01959	0,00453	0,000205	0,000166	0,000038	0,000126	0,000102	0,000024
202	Mực máy photocopy	Hộp	0,00174	0,00142	0,00033	0,000008	0,000007	0,000002	0,000005	0,000004	0,000001
203	Mũi khoan	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000001	0,000001	-
204	Muôi	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000015	0,000015	-
205	Nước lau kính	Lít	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000004	0,000004	-
206	Nước lau sàn	Lít	0,00000	0,00000	-	0,000007	0,000007	-	0,000018	0,000018	-
207	Nước rửa chén	Lít	0,00000	0,00000	-	0,000005	0,000005	-	0,000014	0,000014	-
208	Nước rửa tay	Chai	0,00000	0,00000	-	0,000005	0,000005	-	0,000015	0,000015	-
209	Nước sinh hoạt	m3	0,00000	0,00000	-	0,000237	0,000237	-	0,000688	0,000688	-
210	Nước tẩy rửa nhà vệ sinh	lít	0,00000	0,00000	-	0,000009	0,000009	-	0,000025	0,000025	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
211	Nước uống	lít	0,83123	0,83123	-	0,005803	0,005803	-	0,003686	0,003686	-
212	Nước xịt phòng	Chai	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000005	0,000005	-
213	Ổ cắm điện có dây	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000006	0,000006	-
214	Ổng cắm đũa	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
215	Ổng ghen ruột gà	m	0,00000	0,00000	-	0,000009	0,000009	-	0,000014	0,000014	-
216	Ổng nước chịu nhiệt	Cây	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000003	0,000003	-
217	Phân bón các loại	Kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-
218	Phần mềm diệt virus máy vi tính	Chiếc	0,00555	0,00451	0,00104	0,000032	0,000026	0,000006	0,000021	0,000017	0,000004
219	Phao tự động	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000004	0,000004	-
220	Phí internet	VND	298,62948	242,51700	56,11248	4,985582	4,048791	0,936791	3,282296	2,665553	0,616743
221	Phích cắm	Chiếc	0,02468	0,02468	-	0,000106	0,000106	-	0,000071	0,000071	-
222	Phích giữ nhiệt	Chiếc	0,00094	0,00094	-	0,000001	0,000001	-	0,000003	0,000003	-
223	Phong bì xanh đỏ	Tập	0,06023	-	0,06023	0,000300	-	0,000300	0,000184	-	0,000184
224	Pin đại	Hộp	0,00000	0,00000	-	0,000000	0,000000	-	0,000003	0,000003	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
225	Pin đũa	Hộp	0,00000	0,00000	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
226	Pin tiêu	Hộp	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000004	0,000004	-
227	Quả chụp đèn ngoài trời	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000005	0,000005	-
228	Quả lọc nước	Bộ	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000006	0,000006	-
229	Quần áo bảo hộ	Bộ	0,00000	0,00000	-	0,000003	0,000003	-	0,000013	0,000013	-
230	Rắc co	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000004	0,000004	-
231	Rèm cửa	m2	0,00000	0,00000	-	0,000026	0,000026	-	0,000050	0,000050	-
232	Ren ngoài	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000005	0,000005	-
233	Ren trong	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000005	0,000005	-
234	Rơ le tự động máy tăng áp	Chiếc	0,00058	0,00058	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
235	Sổ các loại	Quyển	0,01362	0,01106	0,00256	0,000105	0,000085	0,000020	0,000066	0,000053	0,000012
236	Súng bắn keo	Chiếc	0,00006	0,00006	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
237	Switch mạng máy vi tính	Chiếc	0,00223	0,00181	0,00042	0,000013	0,000011	0,000002	0,000009	0,000007	0,000002
238	Tấm kính	Tấm	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
239	Tấm thoát sàn	m	-	-	-	0,000009	0,000009	-	0,000025	0,000025	-
240	Tạp dề	Chiếc	-	-	-	0,000002	0,000002	-	0,000003	0,000003	-
241	Thảm lau chân	Chiếc	0,00117	0,00117	-	0,000002	0,000002	-	0,000004	0,000004	-
242	Thẻ nhân viên	Chiếc	0,03702	0,03006	0,00696	0,000194	0,000157	0,000036	0,000125	0,000101	0,000023
243	Thìa	Chiếc	-	-	-	0,000007	0,000007	-	0,000022	0,000022	-
244	Thùng rác	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000004	0,000004	-
245	Thùng tôn	Chiếc	-	-	-	0,000001	0,000001	-	0,000006	0,000006	-
246	Thước kẻ	Chiếc	0,00938	0,00938	-	0,000080	0,000080	-	0,000050	0,000050	-
247	Thuốc muối	Chai	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000004	0,000004	-
248	Tinh dầu sả, quế, chanh	Lít	0,00000	0,00000	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
249	Trà thanh nhiệt	Gói	0,00000	0,00000	-	0,000018	0,000018	-	0,000047	0,000047	-
250	Tụ quạt	Chiếc	0,00168	0,00168	-	0,000002	0,000002	-	0,000003	0,000003	-
251	Túi clear bag A4	Chiếc	0,29793	0,24195	0,05598	0,001815	0,001474	0,000341	0,001133	0,000920	0,000213
252	Túi clear bag F	Chiếc	0,27733	0,22522	0,05211	0,001992	0,001617	0,000374	0,001182	0,000960	0,000222

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
253	Túi đựng rác	Kg	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000005	0,000005	-
254	Tuýp vận ốc	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000000	0,000000	-	0,000001	0,000001	-
255	Ứng	Đôi	-	-	-	0,000002	0,000002	-	0,000004	0,000004	-
256	USB thu wifi	Chiếc	0,00363	0,00295	0,00068	0,000014	0,000011	0,000003	0,000010	0,000008	0,000002
257	Vải xô	m	-	-	-	0,000002	0,000002	-	0,000005	0,000005	-
258	Van nước	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000003	0,000003	-
259	Ve	Kg	0,00000	0,00000	-	0,000008	0,000008	-	0,000007	0,000007	-
260	Vệ sinh môi trường	m3	0,00000	0,00000	-	0,000003	0,000003	-	0,000003	0,000003	-
261	Vít nở	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000005	0,000005	-
262	Vò bình đựng nước uống 10 lit	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
263	Vò bình đựng nước uống 20 lit	Chiếc	0,00058	0,00058	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
264	Vò hồ sơ	Chiếc	0,13410	0,10890	0,02520	0,000744	0,000604	0,000140	0,000418	0,000339	0,000078
265	Vôi bột	Kg	0,00000	0,00000	-	0,000029	0,000029	-	0,000031	0,000031	-
266	Vòi chậu rửa mặt	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000001	0,000001	-	0,000004	0,000004	-

TT	Danh mục	Đơn vị tính	2.2. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu			2.3.1. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân không có khả năng tự phục vụ (không đi lại được, không có khả năng tự phục vụ, không ý thức được trong vệ sinh cá nhân...)			2.3.2. Dịch vụ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân phải phục vụ 1 phần (cần hỗ trợ, đôn đốc, giám sát)		
			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)			(tính trên 1 người đang trong quá trình xác định là nạn nhân/ngày)		
			Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý	Định mức sử dụng vật tư	Định mức vật tư trực tiếp	Định mức vật tư quản lý
267	Vòi xịt vệ sinh	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000003	0,000003	-
268	Vợt chao thức ăn	chiếc	0,35880	0,35880	-	0,000001	0,000001	-	0,000002	0,000002	-
269	Xăng	lít	0,82714	0,67172	0,15542	0,006020	0,004889	0,001131	0,003504	0,002846	0,000658
270	Xi phòng kết nước	Chiếc	0,00000	0,00000	-	0,000002	0,000002	-	0,000003	0,000003	-
271	Xịt côn trùng	Chai	0,00000	0,00000	-	0,000003	0,000003	-	0,000006	0,000006	-
272	Xô đựng nước 10 lít	Chiếc	-	-	-	0,000003	0,000003	-	0,000007	0,000007	-
273	Xô đựng nước 20 lít	Chiếc	-	-	-	0,000003	0,000003	-	0,000006	0,000006	-

(Xem tiếp Công báo số 84+85)

---

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442

Email: [congbao@hanoi.gov.vn](mailto:congbao@hanoi.gov.vn)

Website: [www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn)